



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

207D Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Điện thoại: (075) 382 2315 Fax: (075) 382 2319

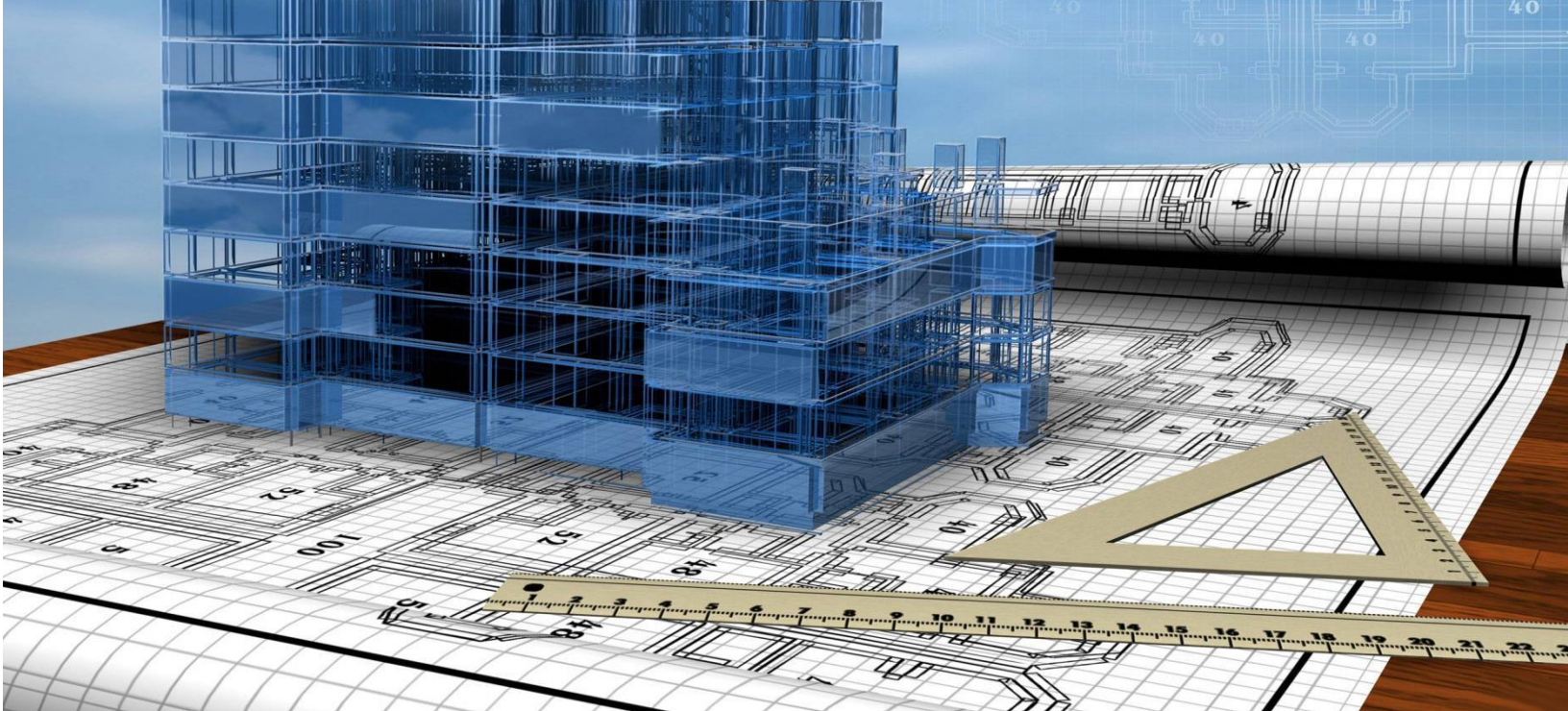
Signature Not Verified
Được ký bởi PHAN QUỐC THÔNG
Ngày ký: 01.04.2015 18:02

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

2012





MỤC LỤC

01 - GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 02 Thông tin chung
- 03 Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh
- 04 Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu
- 06 Sơ đồ tổ chức
- 07 Mục tiêu và định hướng tương lai
- 08 Lịch sử hình thành và phát triển
- 09 Rủi ro

10 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 11 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 12 Tổ chức và nhân sự
- 19 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 21 Tình hình tài chính
- 24 Thông tin cổ đông

26 - BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 27 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 30 Tình hình tài chính
- 31 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 31 Kế hoạch phát triển tương lai

33 - BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 34 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 37 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 38 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

44 - QUẢN TRỊ CÔNG TY

51 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012



Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý cổ đông,

Với chính sách quản trị thận trọng và quyết tâm nỗ lực không ngừng, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre vượt qua một năm đầy biến động với những thành quả đáng ghi nhận. Năm 2012 được giới kinh doanh nhận định là năm vô vàn khó khăn, thử thách của nền kinh tế Việt Nam với thị trường bất động sản và xây dựng đóng băng, nợ xấu ngân hàng tăng cao, tín dụng ngưng trệ. Những khó khăn đó đã gây áp lực lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh đó, Ban lãnh đạo của Công ty đã phát huy sức mạnh, thể hiện tinh thần đoàn kết, chủ động trước những khó khăn, giúp Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre có doanh thu tăng trưởng tốt, lợi nhuận ổn định, nâng cao giá trị đầu tư của cổ đông, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên trong năm tài chính 2012.

Là doanh nghiệp hoạt động trên nhiều lĩnh vực, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre luôn ý thức được những áp lực lớn sẽ gặp phải khi nền kinh tế tăng trưởng chậm, môi trường kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trong khi nhiều doanh nghiệp kinh doanh trong ngành xây dựng và phân phối vật liệu cơ bản phải hoạt động cầm chừng, thu hẹp quy mô, thì Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre vẫn giữ vững được thị phần, tạo được vị thế vững chắc tại địa phương và các tỉnh lân cận. Đó là một thành công đáng kể của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre trong năm 2012.

Các chuyên gia kinh tế nhận định rằng, năm 2013 nền kinh tế thế giới vẫn chịu những áp lực lớn với những vấn đề nan giải như nợ công của Hoa Kỳ, nợ công châu Âu, sự suy giảm tăng trưởng tại các nước mới nổi và các nước đang phát triển, vốn được coi là động lực tăng trưởng của kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với vấn đề nợ xấu, các ban ngành vẫn chưa thống nhất được phương án giải cứu thị trường xây dựng và bất động sản. Năm 2013 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn thách thức đối với Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre. Tuy nhiên, với nhận định trong thách thức luôn có những cơ hội mới, Ban lãnh đạo Công ty với chính sách cẩn trọng và tràn đầy quyết tâm, luôn sẵn sàng chờ đợi những thời cơ mới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị cổ đông trong thời gian qua. Tôi xin cảm ơn toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre, những người đã cùng chúng tôi xây dựng Công ty có được những thành quả rất đáng tự hào trong quá trình phát triển của chúng ta.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre cam kết sẽ cố gắng hết sức để hoàn thành những chỉ tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông giao phó trong năm 2013, giúp Công ty trở thành đối tác tin cậy của khách hàng, cán bộ công nhân viên có đời sống vật chất và tinh thần sung túc hơn nữa, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội.

Trân trọng,

Ngô Hữu Tài
Chủ tịch HĐQT



I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin chung

Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh

Những thành tích, sản phẩm tiêu biểu

Sơ đồ tổ chức

Mục tiêu và định hướng tương lai

Lịch sử hình thành và phát triển

Rủi ro



THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**
Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**
Tên viết tắt : **CÔNG TY CP VLXD BẾN TRE**

Logo :



Vốn điều lệ : **40.490.060.000 đồng**
(Bốn mươi tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

Trụ sở chính : **207D Nguyễn Đình Chiểu - Xã Phú Hưng - Thành phố Bến Tre**

Điện thoại : **(075) 3822315 - 3822319 - 3822376 - 3829857**

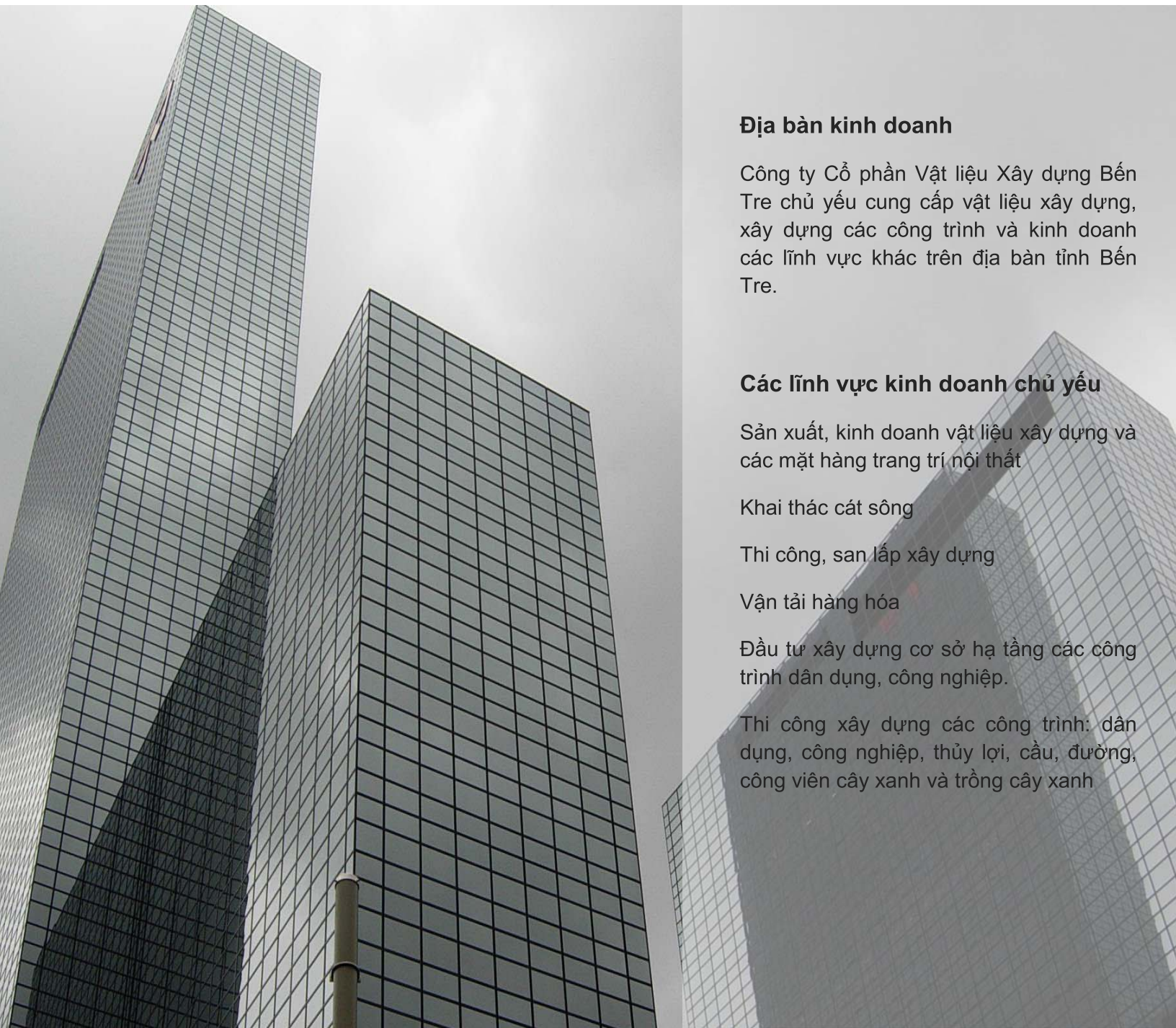
Fax : **(075) 3822319**

Email : **vlxdbentre@yahoo.com.vn**

Website : **www.vlxdbentre.com**

Mã Cổ phiếu : **VXB**

Giấy chứng nhận ĐKKD : **1300108704 (số cũ 5503-000020) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bến Tre cấp**



Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre chủ yếu cung cấp vật liệu xây dựng, xây dựng các công trình và kinh doanh các lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu

Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mặt hàng trang trí nội thất

Khai thác cát sông

Thi công, san lấp xây dựng

Vận tải hàng hóa

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình dân dụng, công nghiệp.

Thi công xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu, đường, công viên cây xanh và trồng cây xanh

CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Năm	Thành tích	Quyết định khen thưởng
2011	Bằng khen UBND tỉnh Bến Tre v/v khen thưởng thành tích tổng kết năm 2011	QĐ số 430/QĐ-UBND tỉnh Bến Tre ngày 09/03/2012
2010	Bằng khen UBND tỉnh Bến Tre v/v khen thưởng thành tích tổng kết năm 2010	QĐ số 44/QĐ-UBND tỉnh Bến Tre ngày 01/03/2011
2009	Bằng khen UBND tỉnh Bến Tre v/v khen thưởng thành tích tổng kết năm 2009	QĐ số 521/QĐ-UBND tỉnh Bến Tre ngày 08/03/2010
2008	Bằng khen UBND tỉnh Bến Tre v/v khen thưởng thành tích tổng kết năm 2008	QĐ số 399/QĐ-UBND tỉnh Bến Tre ngày 02/03/2009
2007	Huân chương lao động hạng I	QĐ số 1271/QĐ-CTN ngày 19/09/2008
2006	Cờ thi đua UBND tỉnh Bến Tre	QĐ số 380/QĐ-UBND tỉnh Bến Tre ngày 15/03/2007
2005	Bằng khen TTg	QĐ số 877/QĐ-TTg ngày 20/06/2006
2004	Cờ thi đua xuất sắc	QĐ số 680/QĐ-UB ngày 14/03/2004

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

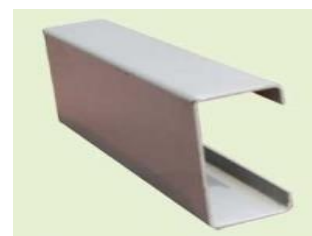
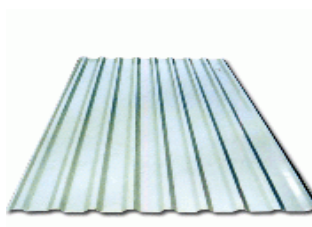
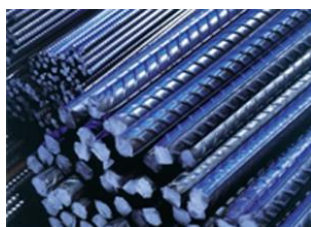
Sản xuất gạch



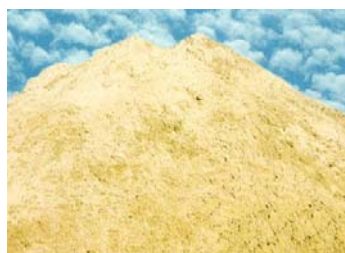
Kinh doanh xi măng



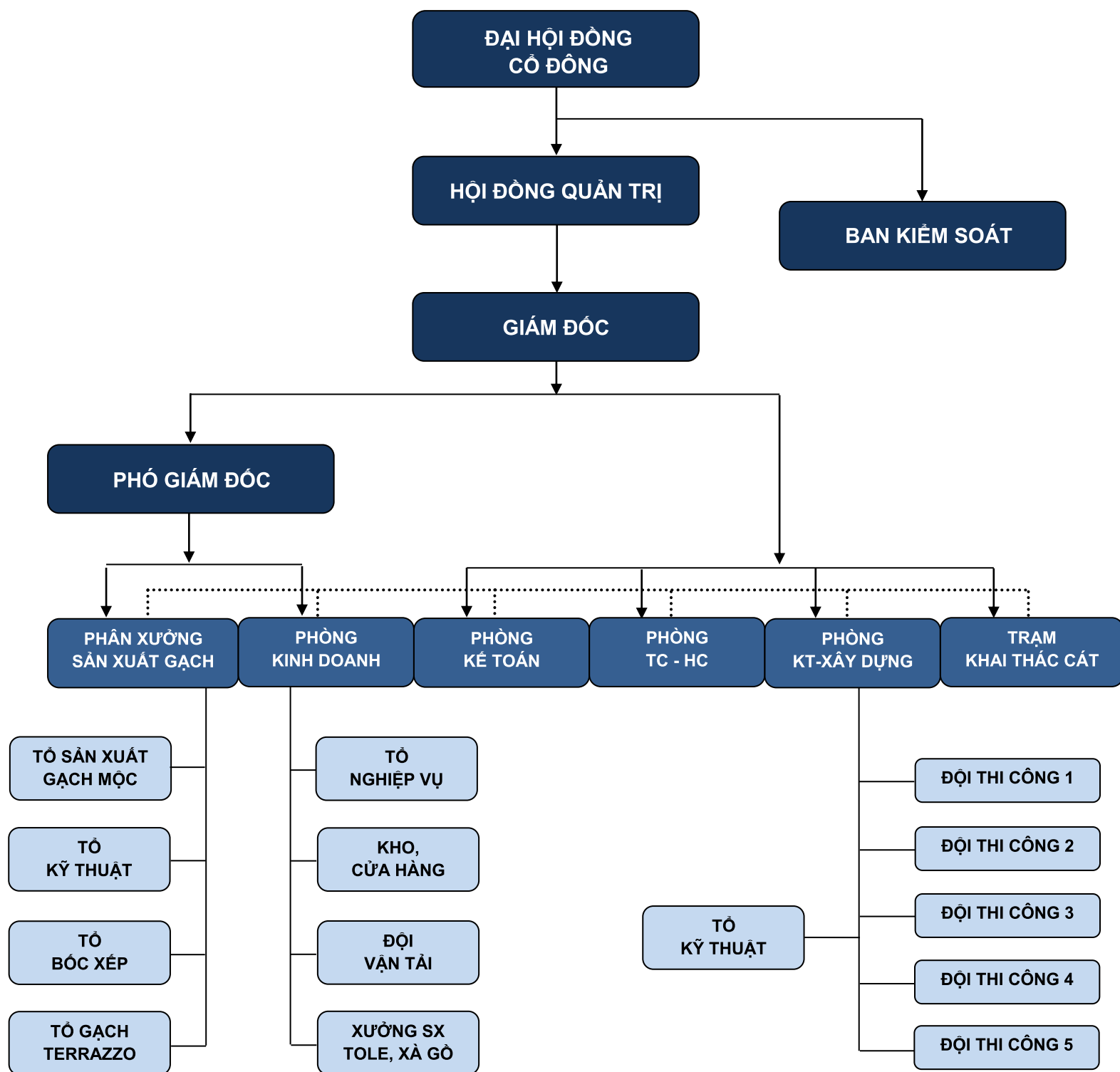
Kinh doanh thép xây dựng và tôn, xà gồ



Khai thác cát và kinh doanh các sản phẩm xây dựng khác



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Công ty con, công ty liên kết: Không có



Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp trong ngành vật liệu xây dựng có quy mô và doanh thu hàng đầu tại Bến Tre và Đồng bằng Sông Cửu Long. Đảm bảo các hoạt động SXKD hiện có ổn định, tạo nền tảng tăng trưởng bền vững trong tương lai. Nắm bắt thời cơ, đầu tư mở rộng hoạt động Công ty sang các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực VLXD và thi công xây dựng.



Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm chất lượng, giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu cho thị trường. Xây dựng công trình trọng điểm tại địa phương, góp phần cải thiện đất nước, mang lại tầm vóc mới cho tỉnh Bến Tre. Thực hiện liên doanh, liên kết để phát triển ra thị trường khu vực, tăng doanh thu, tạo điều kiện tăng cường lợi nhuận, mang lại giá trị cho cổ đông.



Giá trị cốt lõi

- Đồng tâm hiệp lực
- Cẩn trọng vững vàng
- Phát triển cộng đồng
- Hướng tới tương lai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2012

**Tăng
trưởng**

- 2012: Doanh thu tăng trưởng gần 100% so với năm 2008
- 2012: Rủi ro được quản lý chặt chẽ, lợi nhuận duy trì bền vững theo thời gian
- 2012: Tạo công ăn việc làm ổn định cho hơn 100 lao động, nộp ngân sách nhà nước nhiều tỷ đồng

2010

**Niên
yết**

- 2010: Cổ phiếu của công ty được giao dịch lần đầu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VXB
- 2007: Công ty đăng ký Công ty đại chúng với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- 2006: Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực thi công xây dựng.

2005

**Mở
rộng**

- 2005: Công ty đầu tư xây dựng Xưởng sản xuất tole và xà gồ thép
- 2004: Được chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre
- 2000: Sáp nhập Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu Xây dựng vào Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre

1978

**Hình
thành**

- 1996: Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khai thác cát.
- 1992: Được thành lập lại theo quyết định số 994/QĐ-UB của UBND tỉnh Bến Tre
- 1978: Được thành lập theo quyết định số 30/TC-CQ của UBND tỉnh Bến Tre

RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực xây dựng và nhu cầu sử dụng các sản phẩm vật liệu xây dựng. Khi kinh tế tăng trưởng tốt, nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng tăng lên, doanh thu của Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre tăng tạo điều kiện cải thiện lợi nhuận. Khi nền kinh tế suy thoái, nhu cầu về vật liệu xây dựng và xây dựng cơ sở hạ tầng sụt giảm, doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng trưởng không cao.

Trong 10 năm gần đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. Tốc độ đô thị hóa diễn ra khá nhanh với tỷ lệ đô thị hóa năm 2005 là 27% và năm 2010 là 30%. Sự tăng trưởng của nền kinh tế thúc đẩy ngành xây dựng và vật liệu cơ bản phát triển. Trong năm 2011 và 2012, Chính phủ thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, cắt giảm chi tiêu công, nền kinh tế gặp khó khăn trong việc duy trì tăng trưởng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre với những lợi thế sẵn có vẫn duy trì được doanh thu và lợi nhuận khả quan.

Công ty thường có chính sách bán hàng trả chậm đối với một số khách hàng. Khi nền kinh tế suy thoái, năng lực tài chính của một số đối tác suy giảm, gây khó khăn cho việc thu hồi nợ của Công ty. Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động, nợ quá hạn, nợ khó thu hồi của Công ty ở mức rất thấp do Công ty rất cẩn trọng trong việc lựa chọn đối tác kinh doanh.

Rủi ro về pháp luật

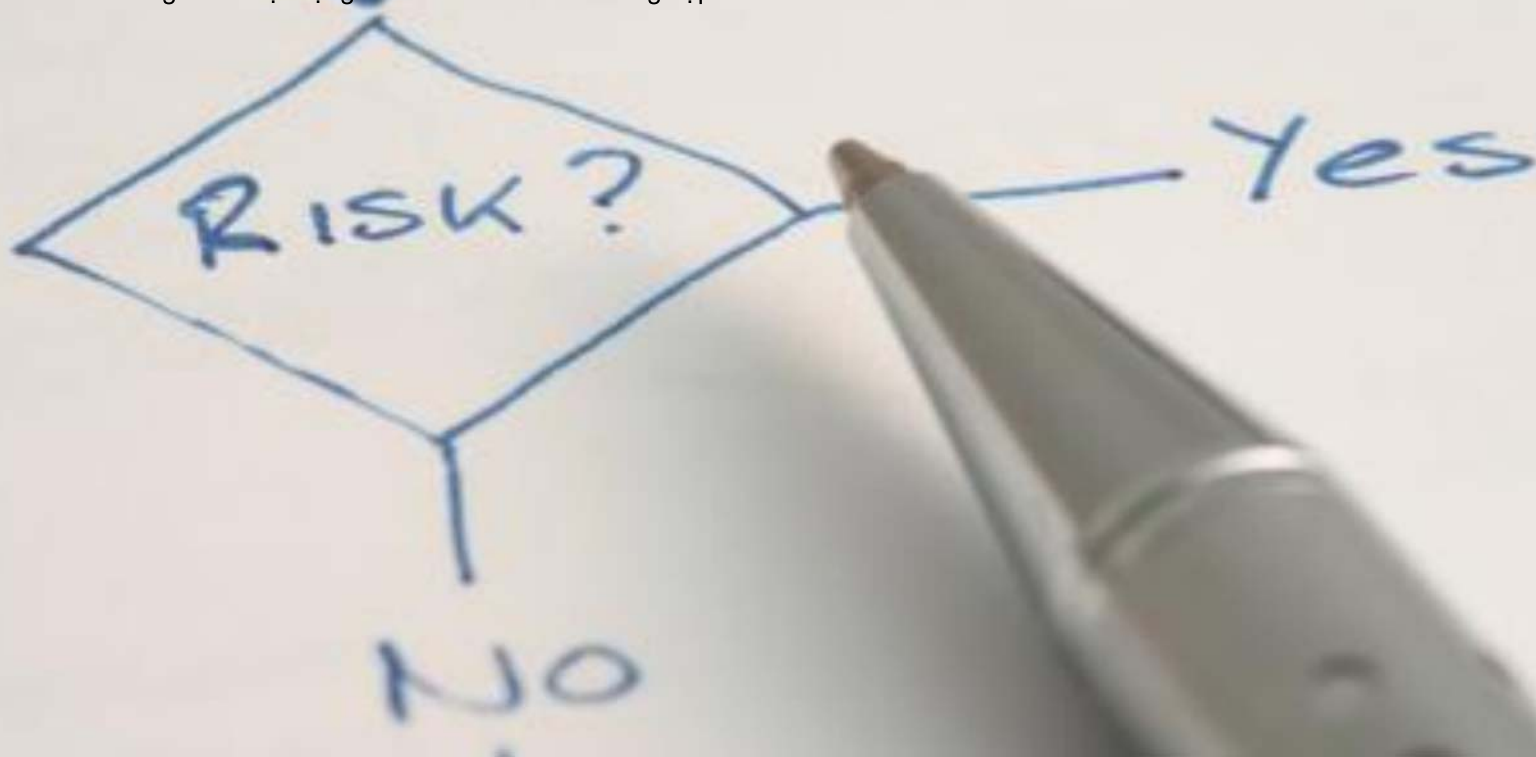
Hoạt động của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre tuân theo các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, v.v... Luật và các văn bản dưới luật tại Việt Nam trong quá trình hoàn thiện, khi có sự thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro lãi suất

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre thường có tỷ lệ vay nợ ngân hàng chiếm khoảng 35% trong tổng nguồn vốn. Sự biến động lãi suất có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí lãi vay, từ đó tác động đến lợi nhuận của Công ty. Trong năm 2011 và đầu năm 2012, lợi nhuận của Công ty sụt giảm vì lãi suất tăng cao. Một lợi thế mà Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre có được đó là mức lãi suất cho vay từ các ngân hàng thường ưu đãi hơn các công ty khác do Công ty có độ tín nhiệm cao. Trong thời gian tới, khi lãi suất giảm, chi phí lãi vay giảm, lợi nhuận của Công ty sẽ được cải thiện.

Rủi ro nguyên liệu

Nguyên liệu của Công ty như thép, xi măng, cát đá, gạch, sơn, tôn và gỗ có giá cả biến động theo thị trường. Rủi ro xảy ra với Công ty khi nhập sản phẩm về với giá cao, trong khi phải bán ra với giá thấp theo thị trường. Để giảm thiểu tác động của rủi ro biến động giá, Công ty luôn cố gắng giảm hàng tồn kho trong khi vẫn đảm bảo công tác bán hàng được ổn định, doanh thu tăng trưởng tốt.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Đvt: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% So với KH 2012	% So với 2011
Tổng tài sản	154.157.276		155.250.814		99%
Tổng doanh thu	280.294.524	267.021.000	272.266.659	105%	103%
Lợi nhuận trước thuế	11.934.866	11.200.000	14.961.903	107%	80%
Lợi nhuận sau thuế	9.637.033	8.400.000	12.037.589	115%	80%
Nộp Ngân sách	10.824.041	12.102.268	2.924.315	89%	370%
Tỉ lệ cổ tức	15%	14%	20%	107%	75%

Năm 2012 là một năm đặc biệt khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và ngành vật liệu xây dựng nói riêng. Chính sách tiền tệ thắt chặt và giảm chi tiêu công của Chính phủ khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều thách thức.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre thận trọng trong việc đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Với mục tiêu duy trì hoạt động ổn định trong tình hình nền kinh tế tăng trưởng chậm, tiềm ẩn nhiều rủi ro, Công ty chủ động không tăng trưởng quy mô tài sản, và hạn chế vay nợ. Trên quan điểm đó, doanh thu và lợi nhuận không có sự tăng trưởng đột phá nhưng hoạt động của Công ty duy trì ổn định. Các chỉ tiêu về doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế hoàn thành vượt kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông đề xuất.

Kết thúc năm tài chính 2012, tổng doanh thu của Công ty đạt 280 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch, tăng trưởng 3% so với năm tài chính 2011. Lợi nhuận sau thuế đạt 9,6 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch là điểm sáng trong năm 2012.

Trong năm 2012, Công ty có những chính sách thúc đẩy bán hàng, chiếm lĩnh thị trường nên lợi nhuận gộp của Công ty không cao, là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế không tăng trưởng đột phá. Thị trường truyền thống là các tỉnh trong khu vực Đông Nam Bộ được duy trì bền vững, uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao, sản phẩm của Công ty ngày càng chiếm được lòng tin của người tiêu dùng. Đó là nguyên nhân giúp doanh thu của Công ty tăng trưởng trong một năm đặc biệt khó khăn như năm 2012.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị

Ông: Ngô Hữu Tài

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961

Quá trình công tác:

1982 – 1998: Kế toán trưởng Công ty VLXD Bến Tre

1999 – 2000: Phó Giám đốc Công ty VLXD Bến Tre

2000 – 2004: Giám đốc Công ty VLXD Bến Tre

2004 – nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP VLXD Bến Tre

Ông Ngô Hữu Tài gia nhập Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre ngay những ngày đầu thành lập. Ông có những đóng góp đặc biệt quan trọng trong tiến trình phát triển của Công ty. Trải qua 30 năm tại các vị trí Quản lý và Lãnh đạo của Công ty, Ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm giao phó Chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc. Ông là người có vai trò quyết định trong việc xây dựng chiến lược hoạt động cho Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.

Ông: Phan Quốc Thông

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1965

Quá trình công tác:

1988 – 1996: Nhân viên Công ty VLXD Bến Tre

1996 – 1997: Phó P. Kinh doanh Công ty VLXD Bến Tre

1997 – 2000: Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty VLXD Bến Tre

2000 – 2004: Phó Giám đốc Công ty VLXD Bến Tre

2004 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP VLXD Bến Tre

Ông Phan Quốc Thông có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện chiến lược cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre. Với nhiều đóng góp to lớn cho sự phát triển của Công ty, Ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm giao phó Chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Phó Tổng Giám đốc. Ông là người có năng lực điều hành tốt, nắm rõ tình hình thực tiễn, tham gia điều hành trực tiếp công tác sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre

Ông: Lê Văn Thịnh

Chức vụ: Thành viên Hội Đồng Quản trị

Năm sinh: 1956

Quá trình công tác:

05/1996 – 01/2002: Trạm trưởng Trạm khai thác cát Công ty VLXD
Bến Tre

02/2002 – 2004: Phó Giám đốc Công ty VLXD Bến Tre

2004 – 2011: Phó Giám đốc Công ty CP VLXD Bến Tre

Ông: Lê Đình Nhiên

Chức vụ: Thành viên Hội Đồng Quản trị

Năm sinh: 1962

Quá trình công tác:

1979 – 1981: Nhân viên Đoàn Dầu khí Cửu Long

1981 – 1996: Phó Phòng Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre

1996 – Nay: Chủ Doanh nghiệp Nam Anh

Ông: Phan Trọng Tài

Chức vụ: Thành viên Hội Đồng Quản trị

Năm sinh: 1959

Quá trình công tác:

1982 – 1980: Cán bộ kỹ thuật Sở Giao Thông Vận Tải Long An

1996 – 2000: Giám đốc Công ty TNHH XD VTTM Chương Mỹ

2001 – nay: Giám đốc Công ty TNHH Mai Phan

Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Hữu Tài - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc: Vui lòng xem SYLL tại Hội đồng Quản trị

Ông Phan Quốc Thông - Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc: Vui lòng xem SYLL tại Hội đồng Quản trị

Bà: Lê Thị Nguyệt Phượng

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Năm sinh: 1959

Quá trình công tác:

1982 – 1997: Nhân viên Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre

1997 – 1999: Phó P. Kế toán Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre

1999 – 2004: Trưởng P. Kế toán Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre

2004 – nay: Kế toán trưởng, Trưởng P. Kế toán CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre



Ông: Lê Quốc Cường

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1976

Quá trình công tác:

1993 – 1998: Nhân viên Công ty VLXD Bến Tre

1998 – 2003: Học Đại học Kinh tế

2003 – 2011: Trạm phó Trạm khai thác cát, Công ty VLXD Bến Tre

2011 – Nay: Trạm trưởng Trạm khai thác cát, Công ty CP VLXD Bến Tre

Ông: Huỳnh Hữu Phúc

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1972

Quá trình công tác:

1998 – 2003: Kế toán Công ty Du Lịch Bến Tre

2003 – nay: Kế toán DNTN Nguyễn Huỳnh

Ông: Lê Xuân Lâm

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1948

Quá trình công tác:

1964 – 1966: Du kích An ninh Huyện

1967 – 1969: Văn Phòng Huyện Ủy

1970 – 1975: Quân báo (Quân đội)

1976 – 2003: Thượng tá Công An tỉnh Bến Tre

2003 - nay: Hưu trí



Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 40 giờ/tuần. Đối với các công việc đặc thù, do yêu cầu của tính chất công việc, thời gian làm việc có thể sắp xếp linh hoạt hơn, như:

Bộ phận kho, cửa hàng: Ngày chủ nhật nhân viên bộ phận vẫn thay phiên nhau làm việc bình thường. Người làm việc ngày chủ nhật sẽ được bố trí một ngày nghỉ bù trong tuần kế tiếp.

Hoạt động vận tải đường thủy: Làm việc theo chuyển công tác trên các phương tiện vận chuyển vật tư, hàng hóa.

Hoạt động vận tải bộ: Làm việc theo nhu cầu vận chuyển vật tư, hàng hóa, lương sẽ được khoán theo doanh thu vận chuyển.

Hoạt động của bộ phận cơ giới, thi công xây dựng, san lấp mặt bằng: Thời gian làm việc tính theo giờ của phương tiện hoạt động thực tế.

Hoạt động tại Trạm khai thác cát: Do tính chất công việc thường xuyên hoạt động trên sông nước, thời gian làm việc tùy thuộc vào thời gian phương tiện đến nhận hàng, lao động được sắp xếp nghỉ ngơi tại chỗ và được bố trí mỗi tháng nghỉ bù 5 ngày.

Hoạt động tại Phân xưởng sản xuất gạch: Thời gian làm việc mỗi ngày là 8 giờ. Đối với nhân viên dây chuyền sản xuất gạch, áp dụng theo định mức khoán sản phẩm. Lao động trong điều kiện nặng nhọc, nóng, bụi độc hại thì thời gian làm việc được tính theo quy định của Nhà nước.

Chính sách lương, thưởng

Hàng năm, được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT xét duyệt chính sách tiền lương căn cứ các quy định pháp luật hiện hành cũng như kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động hưởng lương theo sản phẩm, doanh thu, tiền lương được trả cho người lao động căn cứ theo chức danh, nhiệm vụ, công việc tham gia thực tế, ngày công lao động và hiệu quả công việc. Tùy theo bậc lương, thời gian được xét nâng lương của người lao động là mỗi 2 đến 4 năm.

Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty: tham quan, nghỉ dưỡng, trợ cấp cho người lao động khó khăn về đời sống kinh tế nhưng có ý thức trách nhiệm trong công việc, khen thưởng cho nhân viên có đóng góp tích cực cho hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dự kiến năm 2013, Công ty chi 6,5 tỷ đồng tiền lương và tiền thưởng cho 125 lao động, thu nhập bình quân là 4,5 triệu đồng/người/tháng đạt 112% so với thực hiện năm 2012.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2012	TH năm 2012	KH năm 2013	So sánh %	
						TH 2012/ KH 2012	KH 2013/ TH 2012
1	Lao động	Người	135	128	125	95%	98%
2	Tiền lương bình quân/người/tháng	1.000đ	4.000	4.000	4.500	100%	112%
3	Tổng quỹ lương	1.000đ	6.510.000	5.800.000	6.500.000	89%	112%

Chế độ bảo hiểm

Giám đốc chịu trách nhiệm về việc trích nộp và thanh toán các chế độ bảo hiểm của người lao động đúng theo quy định của nhà nước.

Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài, kinh phí đào tạo nhân sự hàng năm

Công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng lao động với những người đã có thời gian làm việc trong Công ty và con em của người lao động nếu đảm bảo năng lực và phù hợp với yêu cầu công việc.

Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ có chính sách hỗ trợ kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng, kế hoạch của Công ty, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong các giai đoạn sắp tới. Đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên luôn được đảm bảo và không ngừng nâng cao.

Công tác Tổ chức - Hành chính

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nội qui, Quy chế làm việc của Công ty và các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng qui định của Nhà nước.

Trang bị bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên và phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn, quan tâm chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

Tham gia tốt công tác phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của Tỉnh và chính quyền địa phương.

Kết hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác An toàn lao động – Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy và tổ chức các sân chơi lành mạnh nhằm tăng cường thể lực, tinh thần thoải mái để người lao động an tâm công tác.

Công tác Đảng - Đoàn thể

Chi bộ tiếp tục thể hiện vai trò hạt nhân trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh thể hiện tính gương mẫu đi đầu trong mọi mặt công tác và hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Ban Giám đốc công ty tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động thuận lợi và phối hợp với các đoàn thể làm tốt công tác giáo dục chính trị cho Cán bộ công nhân viên, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng & pháp luật của nhà nước cho Cán bộ công nhân viên. Phấn đấu không có Cán bộ công nhân viên vi phạm pháp luật. Hưởng ứng và thực hiện tốt các cuộc vận động Kế hoạch hóa gia đình, phòng chống AIDS, phòng chống ma túy, phong trào sạch & xanh, v.v... Tham gia tốt các hội thi do cấp trên tổ chức.

Tiếp tục vận động và đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho các gia đình chính sách. Thăm và tặng quà cho các gia đình Cán bộ công nhân viên diện chính sách nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/07, duy trì phụng dưỡng 01 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Hỗ trợ kinh phí và tặng tập vở cho các trường học ở các xã vùng sâu, vùng xa. Hưởng ứng tốt công tác đóng góp quỹ vì trẻ thơ, tháng hành động vì người nghèo, quỹ tấm lòng vàng, quỹ đền ơn đáp nghĩa, v.v...



Hoạt động đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Mỹ Thạnh An

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Mỹ Thạnh An là công trình trọng điểm từ năm 2011 của Công ty và đây cũng là công trình được sự quan tâm của TP Bến Tre nên công tác đền bù giải tỏa, bàn giao mặt bằng, các thủ tục pháp lý v.v... được tiến hành khá thuận lợi.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khó khăn :

- Còn một số khối lượng chưa thi công hoàn chỉnh *(do trạm viễn thông chưa di dời được)*.
- Tiến độ thi công các hạng mục công trình còn chậm.

Báo cáo tình hình thực hiện dự án:

Đến thời điểm 31/12/2012, tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư Mỹ Thạnh An như sau :

- Tình hình chung: Đã thi công hoàn thành 100% khối lượng và tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục san lấp mặt bằng, hệ thống thoát nước mưa - nước thải, hệ thống cấp nước, hệ thống điện hạ thế & chiếu sáng, hệ thống đường giao thông, cây xanh, v.v...
- Thủ tục cấp giấy CNQSDĐ: Đã đo đạc, phân lô và cấp xong giấy CNQSDĐ cho Công ty *(còn lại 01 thửa - lô dịch vụ, phía Sở TN - MT đang xem xét cấp sau)*.



- Tiến độ đăng ký nền tái bố trí và tái định cư (đã bốc thăm xong nền tái bố trí, tái định cư):
 - Nền tái bố trí: Tổng số nền được UBND TP Bến Tre phê duyệt là 66 nền, đến nay các hộ dân đã đăng ký lập thủ tục chuyển nhượng QSDĐ là 66/66 nền (chỉ còn 01 hộ chờ bổ sung thủ tục thừa kế, giấy thuận phân, v.v...);
 - Nền tái định cư: Tổng số nền được UBND TP Bến Tre phê duyệt đến thời điểm 31/12/2012 là 73/139 nền, đến nay đã có 66 hộ đăng ký (còn 05 hộ chưa đến Công ty làm thủ tục đăng ký mua nền, 02 hộ từ chối nhận nền tái định cư) và còn một số hộ xin gia hạn thời gian đóng tiền;
 - Nền kinh doanh (các lô nhà phố): Đã đăng ký lập thủ tục chuyển nhượng QSDĐ 81/82 nền (còn 01 hộ chưa đăng ký), trong đó có 77 hộ đã nộp tiền và đã lập thủ tục sang nhượng xong;
 - Nền kinh doanh (các lô thương mại): Đã đăng ký lập thủ tục chuyển nhượng QSDĐ 58/65 nền, trong đó có 39 hộ đã nộp tiền và lập thủ tục sang nhượng xong (còn 19 hộ chưa đăng ký) và 07 lô chưa bán;
- Hiệu quả: Năm 2012 doanh thu thực hiện là 39,49 tỷ đồng, bằng 88%; lợi nhuận trước thuế là 2,85 tỷ đồng, bằng 63% so với kế hoạch năm và đến thời điểm 31/12/2012 doanh thu thực hiện được 73,95 tỷ đồng, bằng 68%; lợi nhuận trước thuế là 8,51 tỷ đồng, bằng 71% so với dự án.

Cụ thể, tình hình thực hiện như sau:

Đvt: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Theo dự án	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	TC thực hiện	TH 2012/ KH 2012	TC TH/ dự án
1	Vốn đầu tư	96.000.000	66.887.000	29.113.000	17.231.622	84.118.622	18%	88%
2	Doanh thu	108.000.000	34.464.784	45.000.000	39.491.138	73.955.922	37%	68%
3	Chi phí	96.000.000	28.797.259	40.500.000	36.640.917	65.438.176	38%	68%
4	Lợi nhuận trước thuế	12.000.000	5.667.525	4.500.000	2.850.221	8.517.746	24%	71%

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: Nghìn đồng

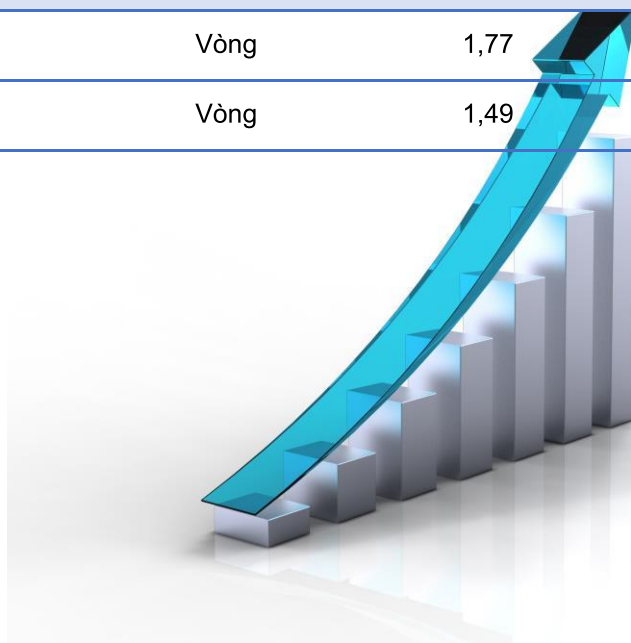
Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
Tổng giá trị tài sản	154.157.276	155.250.814
Tổng doanh thu	280.294.524	272.266.659
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.713.776	8.992.607
Lợi nhuận khác	9.221.091	5.969.296
Lợi nhuận trước thuế	11.934.867	14.961.903
Lợi nhuận sau thuế	9.637.033	12.037.589
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	24%	30%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	15%	20%

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2012 như sau: Tổng doanh thu (bao gồm cả doanh thu nội bộ) là 280 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế là 11,93 tỷ đồng, đều đạt 105% so với kế hoạch. Tuy nhiên nếu so sánh với thực hiện năm 2011 thì doanh thu đạt 103%, lợi nhuận trước thuế chỉ bằng 80%. Nguyên nhân là do chi phí của năm 2012 chiếm tỷ lệ khá cao, phần lớn là chi phí lãi vay để đảm bảo vốn cho việc triển khai thi công xây dựng các công trình theo đúng tiến độ đã cam kết (do số lượng các công trình triển khai thi công từ cuối năm 2012 khá lớn nhưng phải sang năm 2013 mới quyết toán mang về doanh thu).



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012	Năm 2011
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	15,6	13,9
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	84,4	86,1
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	58,3	58,3
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	41,7	41,7
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,67	1,01
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,66	2,41
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	6,23	7,75
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,16	5,29
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	15,0	18,6
5	Vòng quay hoạt động			
	- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	1,77	1,69
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	1,49	1,46



Tình hình tài sản

Cuối năm 2012, tổng tài sản của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre là 154,2 tỷ đồng, tương đương năm 2011. Cơ cấu tài sản của Công ty không có nhiều khác biệt so với năm 2011. Tài sản ngắn hạn chiếm 84,4%, tài sản dài hạn chiếm 15,6% trong tổng tài sản. Tài sản dài hạn tăng lên chủ yếu do Công ty đầu tư đất dự án tại xã Mỹ Thạnh An và phân xưởng sản xuất tại xã Phú Nhuận. Trong giai đoạn kinh tế khó khăn, công ty tăng cường chính sách bán hàng trả chậm nên các khoản phải thu khách hàng vẫn duy trì tương đương so với năm 2011. Công ty không có các khoản phải thu khó đòi. Hàng tồn kho tương đương với năm 2011, tạo điều kiện cho Công ty cung cấp đầy đủ, phục vụ nhu cầu khách hàng.

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán nhanh của Công ty năm 2012 giảm so với năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu là Công ty vay nợ ngắn hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn. Tình hình kinh tế năm 2012 gặp nhiều khó khăn, tiền mặt khan hiếm, vay vốn ngân hàng là cần thiết để phát triển hoạt động kinh doanh.

Vòng quay hoạt động

Tổng doanh thu của Công ty năm 2012 đạt 230 tỷ đồng tương đương năm 2011. Tài sản và nguồn vốn của công ty không có sự biến động lớn. Mức độ sử dụng tài sản và nguồn vốn của công ty được cải thiện hơn thể hiện qua các chỉ số vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn chủ sở hữu năm 2012 tăng so với năm 2011.

Cơ cấu nguồn vốn

Năm 2012, vay nợ tăng nhằm tài trợ cho nhu cầu tăng thêm của tài sản dài hạn. Cụ thể, nợ ngắn hạn năm 2012 tăng thêm khoảng 22 tỷ đồng so với năm 2011. Trong khi đó, Công ty chủ động thực hiện trả nợ dài hạn nhằm cân đối cơ cấu tài sản, nguồn vốn. Nợ dài hạn giảm một khoản tương ứng 23 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu năm 2012 đạt 64,3 tỷ đồng, tương đương so với năm 2011. Cơ cấu nguồn vốn năm 2012 không có nhiều thay đổi so với năm 2011. Năm 2012, lãi suất ngân hàng tăng cao, Công ty đã chủ động giữ nguyên cơ cấu nguồn vốn, chỉ thay thế nguồn vốn dài hạn bằng vốn ngắn hạn, không vay thêm nợ nhằm giảm chi phí tài chính không cần thiết và tăng hiệu quả kinh doanh.

Tỷ suất lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2012 giảm so với năm 2011. Lợi nhuận thấp là đặc điểm chung của nhiều doanh nghiệp hoạt động trong ngành vật liệu xây dựng trong năm 2012. Chi phí đầu vào cao trong khi giá bán không tăng hoặc giảm khiến lợi nhuận gộp giảm, bên cạnh đó chi phí lãi vay tăng cao khiến lợi nhuận giảm.

Lợi nhuận sau thuế giảm nên các chỉ số tỷ suất lợi nhuận của Công ty giảm so với năm 2011. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre có được lợi nhuận vượt kế hoạch là một điều đáng khích lệ.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.049.006 CP
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.049.006 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Nhà nước	01	2.014.626	49,76%
Cổ đông trong nước	225	2.034.280	50,24%
– Tổ chức	02	31.470	0,78%
– Cá nhân	223	2.002.810	49,46%
Cổ đông nước ngoài	01	100	0,002%
Tổng cộng	227	4.049.006	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ (Tính đến ngày 31/12/2012)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy CMND / GPĐKKD	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1. Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH	117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	0101992921	2.014.626	20.146,26	49,76%
2. Ông Ngô Hữu Tài	Xã Tường Đa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre	320496669	270.126	2.701,26	6,67%
Tổng cộng			2.284.752	22.847,52	56,43%

Giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm 2012: Không có

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2012, Công ty không thực hiện các đợt tăng vốn cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: Không có

Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: Không có

Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng) tại ngày 31/12/2012

Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1. Ông Ngô Hữu Tài – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Xã Trường Đa-Huyện Châu Thành - Tỉnh Bến Tre	320496669	270.126	2.701,26	6,67%
2. Ông Phan Quốc Thông – Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Giám đốc	54 Nguyễn Đình Chiểu – P1 – TP Bến Tre – Tỉnh Bến Tre	320521272	67.565	675,65	1,67%
3. Ông Lê Văn Thịnh – Thành viên HĐQT	Phường Phú Khương – TP Bến Tre	321321942	0	0	0%
4. Ông Lê Đình Nhiên – Thành viên HĐQT	81/2A Đường Nguyễn Huệ - P4 – TP Bến Tre – Tỉnh Bến Tre	320565528	57.937	579,37	1,43%
5. Ông Phan Trọng Tài – Thành viên HĐQT	213/32 Nơ Trang Long – Quận Bình Thạnh – TP Hồ Chí Minh	022887524	135.348	1.353,48	3,34%
6. Ông Lê Quốc Cường – Trưởng ban kiểm soát	120G Xã Mỹ Thạnh An – TP Bến Tre – Tỉnh Bến Tre	320888904	39.502	395,02	1%
7. Ông Lê Xuân Lâm – Thành viên Ban kiểm soát	106/3 Lộ số 4 – P4 – TP Bến Tre – Tỉnh Bến Tre	320000288	28.968	289,68	0,72%
8. Ông Huỳnh Hữu Phúc – Thành viên Ban kiểm soát	125/2C Mỹ Thạnh An – TP Bến Tre – Tỉnh Bến Tre	320862177	14.370	143,7	0,35%
9. Bà Lê Thị Nguyệt Phượng – Kế toán trưởng	315B2 – KP1 – P8 – TP Bến Tre – Tỉnh Bến Tre	320015574	50.731	507,31	1,25%
Tổng cộng			664.547		16,41%

III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất
kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và
chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong năm 2013



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đvt: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% So với KH 2012	% So với 2011
Tổng tài sản	154.157.276		155.250.814		99%
Tổng doanh thu	280.294.524	267.021.000	272.266.659	105%	103%
Lợi nhuận trước thuế	11.934.866	11.200.000	14.961.903	107%	80%
Lợi nhuận sau thuế	9.637.033	8.400.000	12.037.589	115%	80%
Nộp Ngân sách	10.824.041	12.102.268	12.355.000	89%	88%
Tỉ lệ cổ tức	15%	14%	20%	107%	75%

Năm 2012, Công ty gặp nhiều khó khăn hơn khi tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, lãi suất cao, giá cả thị trường luôn biến động, v.v... nhưng toàn thể nhân viên của công ty cũng đã nỗ lực hết mình, cùng với ban lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2012:

- Tổng doanh thu đạt 280 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2011, tương đương 105% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 9,64 tỷ đồng, giảm 20% so với năm 2011 (năm 2011 LNST đạt 12,038 tỷ đồng), vượt 15% so với kế hoạch.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 2.380 đồng, giảm 20% so với năm 2011 (năm 2011 đạt 2.973 đồng).

Cụ thể qua các hoạt động chính như sau:

Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng

Trong thời gian qua, Công ty luôn giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với các nhà sản xuất, chủ động nắm bắt tình hình thị trường để áp dụng các chương trình khuyến mãi, chiết khấu của nhà sản xuất vào giá bán để tạo lợi thế cạnh tranh.

Kế hoạch mua bán, dự trữ hàng hóa được lập từng tháng, quý, năm và đột xuất theo từng thời điểm nên đã kịp thời có đủ lượng hàng cung ứng cho các hoạt động xây dựng, cho hoạt động sản xuất, cho thị trường, v.v... nhưng vẫn

đảm bảo được tính hiệu quả khi có sự thay đổi về giá, chính sách chiết khấu, khuyến mãi, v.v...

Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng ngoài việc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh mua bán còn đảm nhận thêm chức năng hỗ trợ, cung ứng vật tư một cách kịp thời cho hoạt động thi công xây dựng. Do vậy, tính hiệu quả của hoạt động này bao gồm hiệu quả từ việc kinh doanh mua bán và hiệu quả từ việc cung ứng vật tư cho hoạt động thi công xây dựng.

Hoạt động khai thác cát

Trong thời gian qua, Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về hoạt động khai thác khoáng sản, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và chính quyền địa phương.

Mặc dù tháng 06/2012 đưa vào khai thác thêm mỏ Vĩnh Bình để cải thiện trữ lượng khai thác nhưng do tình hình tiêu thụ vẫn chưa

khả quan nên sản lượng khai thác và doanh thu chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khó khăn như các chính sách thuế, phí bảo vệ môi trường, chi phí phục hồi môi trường, các khoản phí khác đối với hoạt động khai thác khoáng sản gia tăng đã ảnh hưởng hiệu quả của hoạt động này.

Hoạt động san lấp mặt bằng và thi công xây dựng công trình

Công ty luôn chú trọng đến công tác lập kế hoạch về số lượng, chủng loại và thời gian sử dụng vật tư của các công trình để đảm bảo luôn có đủ và kịp thời vật tư cho các công trình. Việc làm này đã giúp Công ty chủ động hơn trong việc lập kế hoạch mua và dự trữ vật tư kịp thời, hợp lý khi nguồn nguyên liệu và giá cả hàng hóa đầu vào liên tục biến động như thời gian vừa qua.

Trong năm qua, Ban Lãnh đạo đơn vị thường xuyên chỉ đạo phòng kỹ thuật xây dựng và các phòng, ban, bộ phận có liên quan tập trung vốn, vật tư, trang thiết bị và nhân sự để các công trình được thi công liên tục, đúng tiến độ và kế hoạch đề ra. Ngoài ra, đối với một số công trình có vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước mặc dù chậm giải ngân nhưng đơn vị đã chuẩn bị nguồn vốn đối ứng để công trình được triển khai theo kế hoạch và tiến độ.

Các mặt hoạt động khác của đơn vị như hoạt động kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng, sản xuất gạch nung, sản xuất gạch Terrazzo, sản xuất tole & xà gồ, v.v... và các thiết bị vận tải, cơ giới của hoạt động vận tải, hoạt động khai thác cát, v.v... đã hỗ trợ rất tốt cho hoạt động thi công san lấp, xây dựng. Những yếu tố thuận lợi trên hỗ trợ khá tốt về mặt giá cả và

nguồn cung ứng nguyên vật liệu, góp phần giúp cho hoạt động này có hiệu quả rất tốt trong năm qua.

Tuy nhiên hoạt động thi công xây dựng cũng gặp không ít khó khăn: Việc giải ngân vốn các công trình thuộc nguồn vốn ngân sách chậm, Khi tham gia đấu thầu luôn phải cạnh tranh với các nhà thầu khác nên giá dự thầu các công trình công ty được trúng thầu đều phải giảm rất nhiều so với giá dự toán công trình. Từ đó cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động này.

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Mỹ Thạnh An là công trình trọng điểm từ năm 2011 của Công ty và đây cũng là công trình được sự quan tâm của TP Bến Tre nên công tác đền bù giải tỏa, bàn giao mặt bằng, các thủ tục pháp lý v.v... được tiến hành khá thuận lợi.

Hoạt động sản xuất Vật liệu xây dựng

Sản xuất gạch nung

Để có đủ nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất được liên tục nhằm mục tiêu đảm bảo sản lượng gạch cung cấp cho các công trình trong năm qua, Ban giám đốc đã thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc các bộ phận thực hiện những công việc :

- Thứ nhất là tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo máy móc thiết bị luôn hoạt động ổn định, hiệu quả, đảm bảo đủ số lượng gạch mộc cho các lò nung hoạt động liên tục
- Thứ hai là duy trì nguồn cung ứng đất sét, trấu từ các nhà cung cấp để vừa có đủ nguyên liệu cho sản xuất được liên tục và đảm bảo cho kế hoạch dự trữ nguyên liệu.
- Thứ ba là bên cạnh việc nâng cao tay nghề, ý thức trách nhiệm trong sản xuất của lực lượng lao động trực tiếp tại phân xưởng nhằm mục đích nâng cao năng suất lao động, giảm tỷ lệ gạch phế phẩm, giảm tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trong sản xuất.
- Thứ tư là phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiến hành các biện pháp nhằm giảm chi phí sửa chữa, chi phí khác, v.v... trong sản xuất.

Sản xuất gạch Terrazzo

Sản phẩm gạch Terrazzo Đồng Khởi đã dần tạo được thương hiệu trên thị trường nhờ đảm bảo về chất lượng sản phẩm, thời gian giao hàng, giá cả phù hợp, mẫu mã đa dạng, v.v... nên đã dần mở rộng thị trường và thị phần tiêu thụ.

Vào thời điểm năm 2011, sản phẩm gạch Terrazzo Đồng Khởi sản xuất chủ yếu là cung cấp cho các công trình nội bộ thì sang năm 2012 bên cạnh việc cung cấp cho các công trình nội bộ, gạch Terrazzo của đơn vị đã mở rộng khách hàng tiêu thụ là các đơn vị thi công công trình trong tỉnh và ngoài tỉnh (Tiền Giang), các đại lý ở các huyện, khách hàng nhà dân, v.v... Sản phẩm gạch Terrazzo đã khẳng định được sự đầu tư kịp thời, hợp lý và mang về hiệu quả rất tốt cho đơn vị trong năm qua.

Sản xuất Tole & xà gồ

Nhu cầu của thị trường về dòng sản phẩm Tole & xà gồ có chất lượng và giá trị cao ngày càng nhiều. Do vậy, năm 2012, Công ty lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ dòng sản phẩm trung cấp và cao cấp như Tole có độ từ 4 zem trở lên, xà gồ dày từ 2 li trở lên và phát triển thêm dòng sản phẩm tole giả ngói, xà gồ kẽm v.v... để đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trong năm 2012, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng bến Tre vẫn được duy trì tốt như năm 2011. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn không có sự biến động bất thường. Nguồn vốn luôn được đảm bảo nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng tài sản của Công ty đạt 154,16 tỷ đồng, tương đương năm 2011. Hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn ở mức ổn định, tài sản ngắn hạn tương đương so với năm 2011. Mặc dù tài sản dài hạn nói chung tương đương năm 2011 nhưng các khoản mục trong tài sản dài hạn có sự thay đổi đáng kể. Sự tăng lên của khoản mục Bất động sản đầu tư chủ yếu được hình thành từ Dự án Tái định cư Mỹ Thạnh An. Cơ cấu tài sản không có nhiều sự thay đổi nhằm tránh những rủi ro có thể xảy ra trong tình hình kinh tế nhiều biến động.

Về tình hình nguồn vốn, nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay năm 2012 vẫn được duy trì ổn định so với năm 2011. Lợi nhuận năm 2011 được dùng chia cổ tức trong năm 2012 nên vốn chủ sở hữu không được thể hiện tăng trong báo cáo cuối kỳ. Khoản vay dài hạn giảm và được thay thế bằng khoản vay ngắn hạn giúp nguồn vốn của Công ty không bị thiếu hụt. Trong năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được hoàn thành tốt nhờ nguồn vốn được đảm bảo.

Đvt: Nghìn đồng

	Năm 2012	Năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	130.422	133.600
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.444	11.017
Các khoản phải thu ngắn hạn	42.399	44.471
Hàng tồn kho	78.348	77.871
Tài sản ngắn hạn khác	231	240
TÀI SẢN DÀI HẠN	23.735	21.651
Tài sản cố định	9.209	17.600
Bất động sản đầu tư	13.848	3.562
Tài sản dài hạn khác	679	488
TỔNG TÀI SẢN	154.157	155.251
NỢ PHẢI TRẢ	89.880	90.528
Vay ngắn hạn	77.880	55.432
Vay dài hạn	12.000	35.096
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	64.277	64.723
TỔNG NGUỒN VỐN	154.157	155.251

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- Công ty ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý doanh nghiệp, giúp việc điều hành được thực hiện một cách đơn giản, hiệu quả.
- Quản lý chặt chẽ hoạt động tài chính - kế toán để tăng hiệu quả đồng vốn, giảm chi phí và tránh chiếm dụng vốn trong khâu bán hàng.
- Hoạt động thi công san lấp mặt bằng của Công ty đã tạo được uy tín trên thị trường do năng lực thi công của công ty tốt nên được sự tin tưởng của các chủ đầu tư.
- Mạnh dạn tinh gọn sắp xếp lại nhân sự. Hoàn thiện chính sách trả lương cho người lao động theo kết quả lao động góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động của đơn vị.
- Thực hiện tốt chính sách đối với khách hàng : chọn lọc những khách hàng có uy tín và năng lực làm đối tác, thực hiện chính sách giao dịch với khách hàng một cách có chọn lọc và thắt chặt các điều khoản thanh toán để duy trì hoạt động kinh doanh được ổn định, hạn chế thấp nhất rủi ro về tài chính. Đồng thời cải tiến các phương thức giao dịch theo hướng tạo thuận lợi cho khách hàng.
- Tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế, nội quy, kỷ luật lao động, thời gian làm việc, v.v... của các phòng ban và của toàn thể cán bộ nhân viên công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2013

Tình hình thị trường năm 2013 sẽ còn tiềm ẩn nhiều khó khăn và diễn biến rất phức tạp nên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre xác định phương hướng hoạt động trong thời gian tới là song song với việc duy trì các hoạt động có hiệu quả sẽ tiến hành chấn chỉnh, có biện pháp tháo gỡ những khó khăn ở những hoạt động còn hạn chế; tiếp tục tiến hành tái cấu trúc, sắp xếp lại những hoạt động không còn phù hợp; đơn vị sẽ cân nhắc, chọn lọc một cách kỹ lưỡng các dự án đầu tư vừa đảm bảo định hướng phát triển lâu dài, vừa đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị và phù hợp với chính sách, định hướng phát triển chung của Nhà nước.

Ban Giám đốc sẽ thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, bộ phận có kế hoạch phối hợp làm việc hợp lý, kịp thời, nhịp nhàng từ các khâu mua vào, sản xuất, bán ra để đảm bảo có đủ lượng hàng hóa cung ứng cho thị trường, cho các công trình, cho hoạt động sản xuất được liên tục nhằm bảo toàn nguồn vốn, phát huy tốt hiệu quả hoạt động, đúng theo định hướng phát triển chung của Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra.

Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ với các nhà sản xuất, nhà cung cấp, các chủ đầu tư, các khách hàng đại lý, v.v... thì đơn vị sẽ chú trọng hơn nữa đến công tác thị trường nhằm nắm bắt thông tin, diễn biến tình hình thị trường một cách kịp thời, chính xác để chủ động đề ra những giải pháp hợp lý. Đồng thời, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các phòng ban, bộ phận tăng cường hơn nữa các công tác chuyên môn nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm trong công việc để cùng đơn vị phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2013.

Tổng doanh thu kế hoạch 2013 là 299,25 tỷ đồng - đạt 107% và tổng lợi nhuận trước thuế kế hoạch 2013 là 10,0 tỷ đồng - đạt 84% so với thực hiện năm 2012.

Cụ thể các chỉ tiêu kế hoạch như sau :

Đvt: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2012	TH năm 2012	KH năm 2013	So sánh %	
					TH 2012/ KH 2012	KH 2013/ TH 2012
1	Tổng doanh thu	267.021.000	280.294.524	293.953.000	105%	105%
2	Tổng chi phí	255.821.000	268.359.657	283.953.000	105%	106%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	11.200.000	11.934.867	10.000.000	107%	84%
4	Số phải nộp ngân sách	12.102.268	10.824.041	12.102.268	89%	112%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	4,19%	4,26%	3,40%	102%	80%

Giá trị sổ sách tại 31/12/2012

STT	Chỉ tiêu	Đvt	31/12/2012
1	Tổng tài sản	Đồng	154.157.276.041
2	Tổng nợ	Đồng	89.879.859.144
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	64.277.416.897
4	Tổng số CP lưu hành	CP	4.049.006
5	Giá trị sổ sách mỗi cổ phần	Đồng/CP	15.875

Nguồn: BCTC Kiểm toán 2012 - VXB

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2012, kinh tế thế giới vẫn gặp nhiều thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Khủng hoảng nợ công Châu Âu vẫn đang tiếp diễn và các nhà lãnh đạo thuộc khối liên minh Châu Âu vẫn chưa tìm được hướng giải quyết triệt để vấn đề. Tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam diễn biến theo chiều hướng xấu: lãi suất ngân hàng tăng cao, nợ xấu ngân hàng dần bộc lộ, thị trường xây dựng và bất động sản đóng băng. Chính phủ thực hiện chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và tìm phương hướng tái cấu trúc nền kinh tế. Đó là những nguyên nhân khiến tổng cầu sụt giảm, khiến tốc độ tăng trưởng giảm.

Các doanh nghiệp phải đối mặt với những vấn đề hết sức nan giải trong năm 2012, hàng hóa tiêu thụ chậm, hàng tồn kho và công nợ tăng cao, trong khi tiếp cận nguồn vốn ngân hàng khó khăn. Ngành vật liệu xây dựng trong bối cảnh đó phải gặp nhiều thách thức chưa từng có. Số lượng doanh nghiệp đóng cửa tăng cao. Tuy nhiên, với lợi thế sẵn có cộng với nỗ lực quyết tâm cao độ, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre đã xuất sắc vượt qua năm 2012 đầy sóng gió và hoàn thành vượt chỉ tiêu kết quả kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Kết thúc năm 2012, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre tiếp tục khẳng định vị thế, tầm vóc lớn và thương hiệu vững mạnh tại khu vực Đông Nam Bộ.

Những chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Đvt: Ngìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011
Tổng doanh thu	280.294.524	267.021.000	272.266.659
Lợi nhuận trước thuế	11.934.866	11.200.000	14.961.903
Lợi nhuận sau thuế	9.637.033	8.400.000	12.037.589
Nộp Ngân sách	10.824.041	12.102.268	12.355.000
Tỉ lệ cổ tức	15%	14%	20%

Tổng doanh thu (bao gồm cả doanh thu nội bộ) là 280 tỷ đồng và tổng lợi nhuận trước thuế là 11,93 tỷ đồng - đạt 105% so với kế hoạch. Tuy nhiên nếu so sánh với thực hiện năm 2011 thì doanh thu đạt 103%, lợi nhuận trước thuế chỉ bằng 80%. Nguyên nhân là do chi phí của năm 2012 chiếm tỷ lệ khá cao, phần lớn là chi phí lãi vay để đảm bảo vốn cho việc triển khai thi công xây dựng các công trình theo đúng tiến độ đã cam kết (do số lượng các công trình triển khai thi công từ cuối năm 2012 khá lớn nhưng phải sang năm 2013 mới quyết toán mang về doanh thu).

Những khó khăn gặp phải và những điểm cần khắc phục trong hoạt động của Công ty

Hoạt động Tài chính – Kế toán

Trình trạng kéo dài thời hạn thanh toán nhằm chiếm dụng vốn của khách hàng vẫn còn tiếp diễn, gây không ít khó khăn cho công ty trong việc thu hồi công nợ và quay vòng vốn lưu động.

Lãi suất ngân hàng vẫn còn cao cũng là một nguyên nhân gây khó khăn cho đơn vị trong việc huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để bổ sung vào vốn lưu động của đơn vị. Đồng thời việc chậm giải ngân, quyết toán các công trình cũng gây một số khó khăn cho đơn vị về vấn đề vốn.

Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng

Với phương hướng của lĩnh vực này là chỉ giao dịch mua bán với các khách hàng thanh toán công nợ tốt, khách hàng thanh toán ngay khi nhận hàng, khách hàng có giấy bảo lãnh của ngân hàng và các khách hàng có quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa với Công ty. Hiệu quả của lĩnh vực này chưa thật sự mang lại hiệu quả cao, tình hình từng nhóm hàng chính như sau :

- **Mặt hàng xi măng:** Tình hình tiêu thụ ở huyện Châu Thành và Bình Đại vẫn chưa khả quan, nguyên nhân một phần là do sự cạnh tranh khá gay gắt về giá từ các nhà phân phối từ Tiền Giang, một phần khác là do các khách hàng ở khu vực này chậm thanh toán công nợ nên đơn vị đã hạn chế bán hàng ở khu vực này. Bên cạnh đó, ở các khu vực khác các cửa hàng đại lý cũng đang gặp khó khăn về vốn nên sản lượng tiêu thụ ở các khu vực này cũng giảm.
- **Mặt hàng cát, đá xây dựng:** Nhìn chung, trong thời gian qua các mặt hàng này thực hiện khá tốt cả về mặt mua vào và bán ra.

- **Mặt hàng thép xây dựng:** Mặc dù giá cả mặt hàng thép liên tục biến động nhưng trong năm qua tình hình tiêu thụ thép xây dựng vẫn rất khả quan, thực hiện khá tốt theo kế hoạch đề ra.

Hoạt động khai thác cát

Trong thời gian qua, đơn vị luôn thực hiện nghiêm chỉnh các qui định về hoạt động khai thác khoáng sản, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và chính quyền địa phương.

Mặc dù tháng 06/2012 đưa vào khai thác thêm mỏ Vĩnh Bình để cải thiện trữ lượng khai thác nhưng do tình hình tiêu thụ vẫn chưa khả quan nên sản lượng khai thác và doanh thu chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

Các chính sách thuế, phí bảo vệ môi trường, chi phí phục hồi môi trường, các khoản phí khác đối với hoạt động khai thác khoáng sản đã ảnh hưởng hiệu quả của hoạt động này.

Hoạt động thi công san lấp, xây dựng

Sự biến động về giá cả vật tư, nhân công, việc chậm quyết toán, giải ngân v.v... và lãi suất ngân hàng vẫn còn ở mức cao đã làm cho chi phí phát sinh của hoạt động thi công xây dựng tăng theo đã ảnh hưởng không nhỏ đến tính hiệu quả của hoạt động này. Mặt khác việc cạnh tranh giữa các nhà thầu khi đấu thầu ngày càng gay gắt vì vậy giá nhận thầu khi được trúng thầu thi công là giá cạnh tranh đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động này.

Hoạt động sản xuất VLXD

Sản xuất gạch nung: Mặc dù đơn vị đã thực hiện những biện pháp trên nhưng do máy móc thiết bị đã xuống cấp, thường xuyên hư hỏng và nguồn cung đất sét nguyên liệu vẫn còn bị gián đoạn nên sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong năm qua vẫn chưa thực hiện đạt theo như kế hoạch đề ra (trong năm đơn vị phải mua thêm gạch nung, gạch tuynel từ các nhà sản xuất khác mới đáp ứng đủ cho nhu cầu của các công trình và thị trường).

Sản xuất gạch Terrazzo: Mặc dù tay nghề của lực lượng trực tiếp sản xuất đã khá thành thạo nhưng vẫn còn nhiều hạn chế cần phải khắc phục để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ hao hụt, ý thức bảo dưỡng máy móc thiết bị chưa cao, bộ phận cán bộ quản lý còn bị động trong việc lập kế hoạch dự trữ nguồn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và phụ tùng sửa chữa nhỏ cho máy móc thiết bị.

Sản xuất Tole & xà gồ: Tình trạng các phân xưởng sản xuất khác trên địa bàn TP Bến Tre sản xuất tole và xà gồ thành phẩm không đạt tiêu chuẩn (về độ dày, trọng lượng v.v... dưới mức barem tiêu chuẩn nhà sản xuất nguyên liệu công bố) nên đã tạo không ít khó khăn về giá bán cho đơn vị trong việc tiêu thụ (tole & xà gồ thành phẩm của đơn vị luôn đảm bảo đúng theo barem tiêu chuẩn). Ngoài ra, các chi phí điện, chi phí nhân công, chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ, v.v.. có sự biến động nên đã ảnh hưởng đến chi phí chung của hoạt động này.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Với tình hình nền kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn trong năm 2012, Ban Giám đốc đã thể hiện được năng lực tốt khi hoàn thành vượt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

Với vị thế được định hình lâu dài tại địa phương cùng với quy trình sản xuất và kinh doanh có hiệu quả cao, khả năng dự đoán và phản ứng trước những thay đổi bất ngờ của thị trường đã giúp Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre từng bước vượt qua khó khăn, thách thức. Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo trước những biến động khó lường trên thị trường vật liệu xây dựng. Ban Giám đốc nắm được những chuyển biến lớn về kinh tế vĩ mô, những chuyển dịch và cạnh tranh trong ngành, kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho cán bộ nhân viên Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2012.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre sản xuất và kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng, những khó khăn của thị trường xây dựng và bất động sản đã gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012. Trong khi nhiều doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng, thu hẹp quy mô, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre vẫn hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận. Đây là một thành công đáng ghi nhận của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre trong năm vừa qua, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Giám đốc.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2012	TH năm 2012	KH năm 2013	So sánh %	
					TH 2012/ KH 2012	KH 2013/ TH 2012
1	Tổng doanh thu	267.021.000	280.294.524	293.953.000	105%	105%
2	Tổng chi phí	255.821.000	268.359.657	283.953.000	105%	106%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	11.200.000	11.934.867	10.000.000	107%	84%
4	Số phải nộp ngân sách	12.102.268	10.824.041	12.102.268	89%	112%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	4,19%	4,26%	3,40%	102%	80%

Định hướng về các lĩnh vực hoạt động

Hoạt động Tài chính – Kế toán

Tiếp tục thực hiện và duy trì các công tác chuyên môn nghiệp vụ theo đúng các qui định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo kế toán theo đúng qui định của Nhà nước.

Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để tạo lợi thế về nguồn vốn vay và sự bảo lãnh thanh toán khi Công ty có nhu cầu.

Kiểm tra chặt chẽ tình hình thanh toán công nợ của khách hàng trong giao dịch mua bán hàng hóa để đảm bảo an toàn nguồn vốn và tránh tình trạng khách hàng kéo dài thời hạn thanh toán nhằm chiếm dụng vốn của Công ty.

Ban Giám đốc cũng sẽ chỉ đạo các phòng, ban, bộ phận lập các kế hoạch mua bán, kế hoạch sử dụng vật tư của các đội thi công, phân xưởng sản xuất v.v.. định kỳ và đột xuất tùy theo tình hình thị trường để chủ động hơn trong các phương án sử dụng, bố trí nguồn vốn hoặc cần thiết sẽ bổ sung vốn vay một cách hợp lý nhằm vừa đáp ứng được vốn vừa đảm bảo hiệu quả của các hoạt động.

Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng

Công ty xác định phương hướng hoạt động của lĩnh vực này trong thời gian tới là chỉ giao dịch mua bán với các khách hàng thanh toán công nợ tốt, khách hàng thanh toán ngay khi nhận hàng, khách hàng có giấy bảo lãnh của ngân hàng và các khách hàng có quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa với Công ty.

Song song với việc giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với các nhà sản xuất, thì việc tăng cường công tác tiếp thị ngoài mục đích tăng cường tiêu thụ sản phẩm còn nhằm mục tiêu chủ động nắm bắt tình hình thị trường; đơn vị cũng sẽ tiếp tục áp dụng các chương trình khuyến mãi, chiết khấu của nhà sản xuất vào giá bán để tạo lợi thế cạnh tranh.

Lập kế hoạch mua bán, dự trữ hàng hóa hợp lý theo từng thời điểm để ứng phó với sự biến động về giá cả, nguồn cung hàng hóa và đảm bảo có đủ số lượng, chủng loại và thời gian giao hàng cho các công trình xây dựng, cho các đại lý và cho thị trường v.v...

Ban giám đốc Công ty xác định trong thời gian tới thì hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng ngoài việc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh mua bán vẫn sẽ tiếp tục đảm nhận thêm chức năng hỗ trợ, cung ứng vật tư một cách kịp thời cho hoạt động thi công xây dựng. Do vậy, tính hiệu quả của hoạt động này bao gồm hiệu quả từ việc kinh doanh mua bán và hiệu quả từ việc cung ứng vật tư cho hoạt động thi công xây dựng.

Từ những nguyên nhân trên, kế hoạch kinh doanh vật liệu xây dựng năm 2013 có sự điều chỉnh tăng về sản lượng tiêu thụ và doanh thu so với thực hiện năm 2012. Mục đích của việc lập kế hoạch tăng này là để thực hiện đạt kế hoạch dự kiến ký kết với nhà sản xuất, nhất là mặt hàng xi măng, khi đơn vị thực hiện đạt sản lượng cam kết thì các chính sách khuyến mãi, chiết khấu, thưởng sản lượng v.v... sẽ giúp đơn vị có lợi thế hơn về mặt giá bán so với các nhà phân phối khác và cũng là để gia tăng thị phần cũng như mang về doanh thu, lợi nhuận tốt hơn cho đơn vị.

Hoạt động khai thác cát

Hoạt động khai thác cát dự kiến trong thời gian tới vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu thụ của các công trình thi công san lấp mặt bằng vẫn chưa có dấu hiệu khả quan, khả năng phát triển thêm các khách hàng ký hợp đồng tiêu thụ dài hạn chưa nhiều do chính sách cắt giảm đầu tư công vẫn còn đang áp dụng và khả năng giảm lãi suất cho vay của ngân hàng chưa cao.

Cụ thể, sản lượng khai thác kế hoạch là 400.000 mét khối bằng 59%, doanh thu kế hoạch là 6,8 tỷ đồng bằng 62% và lợi nhuận trước thuế kế hoạch là 200 triệu đồng bằng 66% so với thực hiện năm 2012.

Hoạt động thi công san lấp, xây dựng

Ban Lãnh đạo Đơn vị xác định lĩnh vực thi công xây dựng vẫn là lĩnh vực chủ lực của đơn vị trong thời gian tới. Do vậy, công tác chuẩn bị vốn, vật tư, trang thiết bị và nhân sự là rất cần thiết để các công trình đang thi công và các công trình thi công từ năm 2013 được triển khai theo đúng kế hoạch và tiến độ đề ra.

Chú trọng hơn nữa đến công tác lập kế hoạch sử dụng vật tư của các công trình theo từng tháng, quý, năm và kế hoạch đột xuất theo từng thời điểm nhằm đảm bảo luôn có đủ vật tư về số lượng, chủng loại, thời gian và đảm bảo vật tư có mức giá tối ưu nhất khi cung ứng cho các công trình. Việc làm này ngoài việc đảm bảo tiến độ thi công còn giúp đơn vị hạn chế được vấn đề phát sinh tăng giá vật tư, v.v... và mang về hiệu quả chung cho hoạt động này.

Căn cứ theo năng lực thi công, kết quả đấu thầu, thời gian triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành cũng như thời gian quyết toán các công trình. Dự kiến kế hoạch doanh thu của hoạt động này trong năm 2013 là 112 tỷ đồng - đạt 101% và kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 6 tỷ đồng - đạt 103% so với thực hiện năm 2012.

Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Mỹ Thạnh An

Công ty sẽ đôn đốc, nhắc nhở các các bộ chuyên môn, kỹ thuật tập trung thực hiện hoàn tất các công việc còn lại như :

- Về việc bàn giao các hạng mục đã thi công
 - Liên hệ bàn giao cho UBND TP Bến Tre các hạng mục: Hệ thống thoát nước mưa - nước thải, hệ thống cấp nước, hệ thống điện hạ thế & chiếu sáng, hệ thống đường giao thông, cây xanh, v.v...
 - Liên hệ làm thủ tục bàn giao cho Điện lực TP Bến Tre hạng mục: Hệ thống điện hạ thế.
 - Liên hệ làm thủ tục bàn giao cho Công ty TNHH 1TV Cấp thoát nước hạng mục: Hệ thống cấp nước toàn khu.
 - Thi công tiếp các hạng mục còn lại như: Đường cứu nạn (tại vị trí Trạm viễn thông dự kiến di dời trong tháng 07/2013)
- Các thủ tục liên quan đến đất đai
 - Tiếp tục thông báo, liên hệ, lập thủ tục hợp đồng, công chứng, bàn giao GCNQSDĐ cho các hộ dân đã đăng ký nhưng chưa đến Công ty làm thủ tục.
 - Kiểm tra, theo dõi các hộ dân xây dựng nhà ở trong khu tái định cư, hướng dẫn thủ tục đăng ký cấp nước sinh hoạt, cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng, hệ thống cáp viễn thông, thủ tục hoàn công nhà ở.
 - Liên hệ cơ quan chức năng về việc cấp sổ nhà, gắn tên đường, v.v...
 - Đối với các nền tái định cư còn lại chưa có Quyết định phê duyệt sẽ tiến hành kiến nghị UBND TP.Bến Tre xem xét giải quyết.
 - Thường xuyên kiểm tra định vị lại các cột mốc phân lô.
 - Giới thiệu, thông báo sang nhượng các lô nền kinh doanh còn lại chưa có đối tượng đăng ký.
- Về chi phí: Thanh toán các chi phí dở dang và lập báo cáo dự kiến chi phí phát sinh ngoài các chi phí bổ sung không có trong dự án đầu tư.
- Phối hợp với Viettel thông tin rộng rãi đến người dân về dùng mạng viễn thông Viettel tại khu vực dự án.
- Phối hợp với Công ty thiết kế Kiến Tân tìm đối tác giới thiệu mẫu nhà, nhận thiết kế, thi công, hoàn công, cung cấp vật liệu xây dựng, v.v... cho hộ dân có nhu cầu xây dựng nhà tại khu vực dự án.

Hoạt động sản xuất Vật liệu xây dựng

Năm 2013, hoạt động sản xuất VLXD sẽ vẫn còn tồn tại những khó khăn. Do vậy, trong thời gian tới Ban Lãnh đạo Công ty sẽ thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận tăng cường ý thức trách nhiệm trong nâng cao trình độ nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, chú trọng hơn nữa đến công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị để đảm bảo cho hoạt động sản xuất VLXD được liên tục, ổn định và mang về hiệu quả cho Công ty. Đồng thời nghiên cứu và tìm giải pháp tốt nhất cho việc lập và thực hiện dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch không nung theo chủ trương chung của nhà nước.

Trong thời gian tới, bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất VLXD để đáp ứng cho hoạt động kinh doanh của đơn vị, đáp ứng nhu cầu của thị trường thì hoạt động này vẫn sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động thi công xây dựng. Tính hiệu quả của hoạt động này sẽ bao gồm hiệu quả về mặt sản xuất, kinh doanh và hiệu quả từ việc hỗ trợ hoạt động thi công xây dựng.

Hoạt động sản xuất gạch nung

Theo chủ trương của Nhà nước thì từ tháng 01/2013 các công trình có vốn đầu tư tư ngân sách Nhà nước phải sử dụng gạch bê tông nhẹ, gạch xi măng cốt liệu, v.v... để thay thế cho gạch nung. Do vậy trong thời gian tới hoạt động sản xuất gạch nung của đơn vị sẽ chủ yếu cung cấp cho các công trình xây dựng và cho thị trường bán lẻ.

Trong thời gian đơn vị lựa chọn hình thức và công nghệ sản xuất vật liệu thay thế gạch nung thì trong thời gian tới hoạt động sản xuất gạch nung chủ yếu là để giải quyết công ăn việc làm cho lực lượng lao động tại phân xưởng.

Dự kiến sản lượng sản xuất là 1,5 triệu viên - bằng 91%, sản lượng tiêu thụ là 1,6 triệu viên - bằng 109%, doanh thu kế hoạch là 1,2 tỷ đồng - bằng 105% so với kế hoạch năm 2012 và lợi nhuận trước thuế là 5 triệu đồng.

Hoạt động sản xuất gạch Terrazzo

Tiếp tục duy trì, phát huy những mặt làm được, những thế mạnh của hoạt động này. Đồng thời tiếp tục huấn luyện, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, tay nghề của lực lượng trực tiếp sản xuất để nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu và giảm tỷ lệ gạch phế phẩm nhằm mục đích hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh và mang lại lợi nhuận cho đơn vị.

Ban Lãnh đạo đơn vị cũng sẽ chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ tiến hành các thủ tục, hồ sơ để chậm nhất là đến cuối Quý I/2013 công bố hợp qui sản phẩm gạch Terrazzo Đồng Khởi theo yêu cầu của Sở Xây dựng Bến Tre. Và khi đơn vị đã công bố hợp qui thì sản phẩm gạch Terrazzo Đồng Khởi sẽ có lợi thế cạnh tranh mạnh hơn trên thị trường cũng như thuận lợi hơn trong việc quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

Chú trọng hơn nữa đến công tác duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ và đột xuất, lập kế hoạch nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, kế hoạch sản xuất, tiêu thụ để cho hoạt động sản xuất được liên tục và đảm bảo luôn có đủ gạch thành phẩm cung ứng cho thị trường.

Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm để gia tăng thị phần tiêu thụ trong tỉnh thông qua các công tình nội bộ, các đơn vị thi công xây dựng, các đại lý, v.v... Đối với thị trường ngoài tỉnh như Tiền Giang v.v... thì đơn vị sẽ xây dựng kế hoạch hợp tác, phối hợp tiêu thụ với các đối tác có trao đổi, mua bán hàng hóa với đơn vị như CTCP Xây dựng Tiền Giang, Công ty Cơ khí Tiền Giang, Công ty Hoàng Định, v.v...

Hoạt động sản xuất Tole & xà gồ

Trong thời gian tới, đơn vị sẽ tiếp tục chú trọng vào dòng sản phẩm Tole & xà gồ trung và cao cấp để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo đơn vị sẽ chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ rà soát lại tất cả các khoản chi phí, tính toán lại giá thành để hoạt động mang lại hiệu quả tốt hơn, các phòng, ban, bộ phận tiến hành nghiên cứu, đề xuất các kế hoạch, phương án ... để Ban Lãnh đạo xem xét và quyết định biện pháp ứng phó với tình trạng các phân xưởng sản xuất tole khác kinh doanh sản phẩm.

Hoạt động đầu tư

Bên cạnh các hoạt động truyền thống, trong thời gian qua Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bến Tre đã tiến hành đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Mỹ Thạnh An và hiệu quả mang lại rất khả quan.

Đồng thời dựa theo năng lực hoạt động của công ty và các Chính sách, Chủ trương phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh. Từ năm 2012, Công ty đã xây dựng dự án đầu tư như: Dự án khu tái định cư Phú Tân; Xây dựng Trụ sở Công ty và Phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm; Phân xưởng sản xuất VLXD không nung; Cửa hàng kinh doanh và Kho Bãi chứa VLXD, v.v...

Do nhiều nguyên nhân khách quan mà những dự án đầu tư trên chưa thể thực hiện đúng theo tiến độ đề ra. Do vậy năm 2013 đơn vị sẽ tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo của các dự án trên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị để cho phù hợp với phương hướng hoạt động, tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Phú Tân (phường Phú Tân, TP Bến Tre) với diện tích 15 ha :

Có tổng mức đầu tư dự kiến là 250 tỉ. Dự án này đã được UBND TP.Bến Tre phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500. Nhà nước đã giao 4,91 ha có thu tiền sử dụng đất. Công ty đã tiến hành công bố quy hoạch theo qui định. Tuy nhiên do tình hình kinh tế chung đang gặp khó khăn và cơ hội đầu tư chưa chín mùi nên HĐQT tạm dừng chờ thời điểm thích hợp để triển khai tiếp.

- Đầu tư Xí nghiệp SX vật liệu không nung :

Căn cứ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16 tháng 04 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ: Về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung.

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây Dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng.

Công ty đã xin UBND tỉnh được chuyển quyền sử dụng khu đất 4.131 m² ở xã Phú Nhuận, TP Bến Tre. Đến nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã hoàn tất san nền. Chi phí đầu tư đến thời điểm hiện nay là 4,948 tỉ đồng.

Công ty đang nghiên cứu dây chuyền SX gạch không nung theo công nghệ polyme, dự kiến sẽ đầu tư trong năm 2013.

- Đầu tư Bãi tiếp chuyển, kho chứa vật liệu xây dựng :

Trong thời gian tới Nhà nước sẽ xây bờ kè và các cầu trên tuyến sông Bến Tre nên các doanh nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng dọc theo tuyến sông này phải di dời sang nơi khác để đảm bảo hoạt động kinh doanh của mình.

Đồng thời, do đặc thù của hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng là kho bãi phải được đặt ở vị trí thuận lợi cả về đường bộ và đường thủy để hoạt động mua bán, luân chuyển, bốc dỡ hàng hóa được liên tục, đồng bộ nhằm giảm tối đa chi phí trung chuyển hoặc chi phí phát sinh để mang về hiệu quả hoạt động cao nhất.

Với địa hình cao, khả năng bị ngập lụt thấp, thoát nước tốt và thuộc khu vực ngoại ô TP Bến Tre nên vị trí dự kiến đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh, kho bãi và bến bốc xếp vật liệu xây dựng tại xã Phú Nhuận là sự chọn lựa hợp lý, phù hợp với qui hoạch phát triển của TP Bến Tre cũng như đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đồng thời, ở vị trí mới này thì hoạt động kinh doanh và luân chuyển hàng hóa cũng gặp nhiều sự thuận lợi hơn do hệ thống đường giao thông từ địa điểm này đến các khu vực phụ cận đều thuận tiện.

Công ty đã xin UBND tỉnh được chuyển quyền sử dụng khu đất 7.080,9 m² ở xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre (sát sông Hàm Luông). Đến nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã hoàn tất san nền, xây cổng tường rào bao quanh. Chi phí đầu tư đến thời điểm hiện nay là 8,9 tỉ đồng.

Dự kiến sẽ đầu tư tiếp bờ kè, cầu bốc hàng, thiết bị bốc dỡ, nhà kho và đưa vào hoạt động trong năm 2013.

o Đầu tư xây mới Trụ sở Công ty và cửa hàng bán hàng trang trí nội thất :

Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bến Tre ngày càng đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động để khai thác một cách có hiệu quả các lợi thế. Với qui mô và năng lực hoạt động của Công ty thì văn phòng làm việc hiện tại khá chật hẹp, đã xuống cấp, không thể đáp ứng được việc bố trí không gian làm việc cho các phòng ban, bộ phận v.v...

Công ty cũng chưa có Phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm sản xuất, kinh doanh của mình nên gặp bất lợi khi khách hàng có nhu cầu tìm hiểu về mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm v.v...

Văn phòng Công ty hiện tại tọa lạc trong khu vực mà các doanh nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng sẽ di dời sang địa điểm mới thuận lợi hơn do tỉnh sẽ thi công làm bờ kè và các cầu dọc theo tuyến sông Bến Tre tại xã Phú Hưng, TP Bến Tre.

Dự án này sau khi đi vào hoạt động sẽ giúp Công ty thực hiện mục tiêu văn phòng làm việc khang trang, trang thiết bị hiện đại, đủ không gian để bố trí các phòng ban, bộ phận làm việc và có phòng trưng bày để quảng bá sản phẩm một cách rộng rãi đến người tiêu thụ. Đồng thời, dự án này cũng sẽ giúp Công ty có trụ sở làm việc xứng tầm với qui mô và năng lực hoạt động.

Trụ sở Công ty và cửa hàng bán hàng trang trí nội thất được xây dựng trên thửa đất có diện tích 409,4 m² nằm trong Khu Tái định cư Mỹ Thạnh An (xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre), có diện tích sử dụng 1.262,6 m² . Hiện tại đã hoàn thành cơ bản các thủ tục, đang triển khai thi công, phía đơn vị tư vấn đang thiết kế cửa hàng giới thiệu sản phẩm. Dự kiến Quý IV/2013 hoàn thành và đưa vào sử dụng toàn bộ công trình.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Quan hệ cổ đông



Thành viên và Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị bao gồm 5 thành viên, trong đó Cơ cấu: 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 03 thành viên (02 thành viên không điều hành)

STT	Họ và tên	Chức vụ trong HĐQT	Số CP trực tiếp sở hữu đến ngày 20/03/2013	Tỷ lệ sở hữu đến ngày 20/03/2013
1	Ngô Hữu Tài	Chủ tịch	270.126	6,67%
2	Phan Quốc Thông	Phó Chủ tịch	67.565	1,67%
3	Lê Văn Thịnh	Thành viên	0	0%
4	Lê Đình Nhiên	Thành viên	57.937	1,43%
5	Phan Trọng Tài	Thành viên	135.348	3,34%

Hội đồng Quản trị Công ty hoạt động theo đúng Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp. Trong năm 2012, HĐQT Công ty hoàn thành các chức trách của mình, tạo điều kiện thuận lợi giúp Ban Giám đốc điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các chỉ tiêu do Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra.

Hoạt động của thành viên độc lập không điều hành: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, và theo sự phân công trong Hội đồng Quản trị.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 08 người

1. Ông Ngô Hữu Tài
2. Ông Phan Quốc Thông
3. Ông Lê Văn Thịnh
4. Ông Phan Trọng Tài
5. Ông Lê Đình Nhiên
6. Ông Lê Quốc Cường
7. Ông Lê Xuân Lâm
8. Ông Huỳnh Hữu Phúc

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong năm

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Ngô Hữu Tài	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Ông Phan Quốc Thông	Phó Chủ tịch HĐQT	04	100%	
3	Ông Lê Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	04	100%	
4	Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	04	100%	
5	Ông Phan Trọng Tài	Thành viên HĐQT	04	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc:

Hội đồng quản trị công ty thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban giám đốc như sau:

- Chủ tịch HĐQT tham dự các cuộc họp định kỳ của Ban giám đốc công ty.
- Trong các cuộc họp, HĐQT nghe Ban giám đốc và Trưởng, phó các phòng ban của công ty báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, đồng thời, HĐQT có những chỉ đạo, quyết định kịp thời liên quan đến việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban giám đốc trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh, công bố thông tin đầy đủ và nộp các báo cáo kịp thời theo đúng quy định.

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHĐCĐ.2012	28/04/2012	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012
2	02/QĐ-HĐQT	28/04/2012	Sửa đổi, bổ sung (lần 7) Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty CP VLXD Bến Tre
3	03/QĐ-HĐQT	04/05/2012	Chi cổ tức đợt 2 năm 2011

BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre trong năm 2012 như sau:

- ✓ Giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc theo các qui định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- ✓ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý trước khi trình HĐQT xem xét;
- ✓ Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho các cổ đông để kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty;
- ✓ Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc về tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra;
- ✓ Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- ✓ Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- ✓ Giám sát tính hiệu quả sử dụng vốn Công ty trong đầu tư;
- ✓ Các nhiệm vụ khác theo Luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm qua, BKS đã có các buổi họp chính thức và không chính thức, với các nội dung chính xoay quanh việc đánh giá và lập kế hoạch hoạt động hàng quý, cũng như phân công trách nhiệm cho từng thành viên với các công việc cụ thể như sau:

- ✓ Lập báo cáo quá trình hoạt động kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trình Đại hội cổ đông thường niên;
- ✓ Thẩm định các báo cáo tài chính năm 2011, quý I, quý II & quý III năm 2012 và tình hình thực hiện kế hoạch SXKD trong năm 2012;
- ✓ Kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và việc phân chia cổ tức hàng năm;
- ✓ Giám sát việc tuân thủ theo điều lệ Công ty và theo pháp luật
- ✓ Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trên tinh thần xây dựng, hợp tác, và thông qua việc tham gia vào các cuộc họp của HĐQT, BKS đã theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty.

Trong năm 2012, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý

và điều hành Công ty theo đúng Pháp luật, các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo Điều lệ Công ty.

Đánh giá của Ban Kiểm soát với thành viên HĐQT và thành viên Ban TGD

Đánh giá của Ban Kiểm soát với thành viên HĐQT

Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng ban thuộc Công ty thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

HĐQT trong năm đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường để trao đổi phân tích, đi đến thống nhất quyết định trong các thành viên. HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết chỉ đạo các phòng ban Công ty về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty. Các Nghị quyết chỉ đạo, lãnh đạo Ban điều hành thực hiện đúng theo luật và quy định của Nhà nước, chỉ đạo trong sản xuất kinh doanh, đầu tư đúng hướng nhằm thực hiện mọi chủ trương nghị quyết của đại hội cổ đông, đảm bảo tuân thủ điều lệ của công ty và chấp hành nghiêm chỉnh luật Doanh nghiệp.

HĐQT đã sớm ban hành hệ thống các Quy chế, Quy định tạo bộ khung pháp lý để hoạt động. HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành và trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD của Công ty trước hoàn cảnh suy thoái kinh tế trong nước và toàn cầu, trên cơ sở đó thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2012 được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Đánh giá của Ban Kiểm soát với Ban TGD

Ban giám đốc Công ty luôn chấp hành chủ trương của Đảng và pháp luật, thực hiện đúng các quy chế, quy định của Công ty. Năm 2011, Ban giám đốc chỉ đạo và tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban giám đốc Công ty đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành các hoạt động SXKD của Công ty, triển khai xây dựng lại các quy chế, quy định phù hợp với quy chế và tình hình thực tế của Công ty như: Quy chế quản lý tài chính, Quy chế tiền lương, tiền thưởng, v.v...

Ban giám đốc Công ty nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty, quan tâm đến công tác đổi mới tái cấu trúc doanh nghiệp. Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu rõ ràng, hạch toán đúng chế độ quy định. Công tác kiểm kê định kỳ đầy đủ, hàng hóa và tài sản không thiếu hụt, mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Thời gian	Tóm tắt nội dung và kết quả
Quý I/2012	Thẩm định Báo cáo tài chính của Quý, đánh giá công tác quản lý của HĐQT, kiểm tra sổ sách kế toán ...
Quý II/2012	Thẩm định Báo cáo tài chính của Quý, đánh giá công tác quản lý của HĐQT, kiểm tra sổ sách kế toán ...
Quý III/2012	Thẩm định Báo cáo tài chính của Quý, đánh giá công tác quản lý của HĐQT, kiểm tra sổ sách kế toán ...
Quý IV/2012	Thẩm định Báo cáo tài chính của Quý, đánh giá công tác quản lý của HĐQT, kiểm tra sổ sách kế toán ...

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngô Hữu Tài – Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc	157.226	3,88%	270.126	6,67%	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Lê Văn Thịnh –TV HĐQT	81.629	2,02%	0	0%	Tài chính cá nhân

Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012

là 41.498.000 đồng theo đúng Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2012

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Thiết nghĩ hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Việc kết nối hệ thống Ezsearch với sự hỗ trợ của CTCP Chứng khoán FPT đã tạo ra một cổng thông tin đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu tìm hiểu và phân tích của các nhà đầu tư quan tâm đến Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre.

<http://www.vlxdbentre.com/quanhecodong.html>

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán viên
Báo cáo tài chính kiểm toán



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321 B-C Đào Duy Anh, phường 9, Q. Phú Nhuận, HCM

Tel 84 (8) 3999 00 91-97

Fax: +84 (8) 3 999 00 90

Email: info@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



Số: 2052/13/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 04 tháng 03 năm 2013 (từ trang 06 đến trang 30) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán.

Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre. Các Báo cáo này đã được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2013.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Huỳnh Trúc Lâm - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 1523/KTV

Chữ ký được ủy quyền

Đào Vũ Thiên Long - Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1739/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

VIETVALUES - Mang tri thức phục vụ khách hàng - VIETVALUES - Mang tri thức phục vụ khách hàng

5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		130.421.799.717	133.599.754.364
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.1	9.443.625.496	11.017.150.808
111	1. Tiền		9.443.625.496	11.017.150.808
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		42.398.558.883	44.471.479.619
131	1. Phải thu của khách hàng	6.2	33.615.135.131	29.717.206.545
132	2. Trả trước cho người bán	6.3	5.695.042.759	3.320.020.840
135	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.4	3.088.380.993	11.434.252.234
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	6.5	78.348.478.878	77.870.709.940
141	1. Hàng tồn kho		78.348.478.878	77.870.709.940
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		231.136.460	240.413.997
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6.6	231.136.460	240.413.997
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		23.735.476.324	21.651.059.830
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		9.208.679.540	17.599.847.962
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6.7	9.136.208.228	9.334.605.299
222	- Nguyên giá		19.687.937.765	18.342.803.158
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.551.729.537)	(9.008.197.859)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.8	72.471.312	8.265.242.663
240	III. Bất động sản đầu tư		13.848.002.964	3.562.725.000
241	- Nguyên giá	6.9	13.848.002.964	3.562.725.000
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	-
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		678.793.820	488.486.868
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6.10	678.793.820	488.486.868
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		154.157.276.041	155.250.814.194

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		89.879.859.144	90.527.615.387
310	I. Nợ ngắn hạn		77.879.859.144	55.431.615.387
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	6.11	46.834.019.830	17.536.604.019
312	2. Phải trả người bán	6.12	5.978.654.791	8.204.768.239
313	3. Người mua trả tiền trước	6.13	6.031.473.221	10.976.925.119
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.14	7.558.895.443	9.790.023.298
315	5. Phải trả người lao động		2.490.160.938	2.328.677.772
316	6. Chi phí phải trả		-	-
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.15	7.872.449.224	5.407.867.561
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.114.205.697	1.186.749.379
330	II. Nợ dài hạn		12.000.000.000	35.096.000.000
334	1. Vay và nợ dài hạn	6.16	12.000.000.000	35.096.000.000
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		64.277.416.897	64.723.198.807
410	I. Vốn chủ sở hữu	6.17	64.277.416.897	64.723.198.807
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.490.060.000	40.490.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.067.762.000	4.067.762.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.088.332.087	5.899.405.433
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		2.788.225.510	2.193.762.183
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.843.037.300	12.072.209.191
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		154.157.276.041	155.250.814.194

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	29.632.989
2. Nợ khó đòi đã xử lý	8.1	115.373.600	115.373.600
3. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-

Bến Tre, ngày 04 tháng 03 năm 2013.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



LÊ THỊ NGUYỆT PHƯƠNG

Giám đốc



NGÔ HỮU TÀI

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.1	230.709.713.725	227.594.180.453
02	2. Các khoản giảm trừ		641.455	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		230.709.072.270	227.594.180.453
11	4. Giá vốn hàng bán	7.2	218.583.787.339	210.777.176.103
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.125.284.931	16.817.004.350
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	7.3	327.374.360	692.313.940
22	7. Chi phí tài chính		3.602.893.756	1.627.174.502
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.602.893.756	1.627.174.502
24	8. Chi phí bán hàng	7.4	2.512.062.395	3.011.021.721
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.5	3.623.926.915	3.878.515.025
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.713.776.225	8.992.607.042
31	11. Thu nhập khác	7.6	9.584.865.055	6.334.750.603
32	12. Chi phí khác		363.774.473	365.454.312
40	13. Lợi nhuận khác		9.221.090.582	5.969.296.291
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.934.866.807	14.961.903.333
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.7	2.297.834.063	2.924.314.577
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.637.032.744	12.037.588.756
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.8	2.380	2.973

Bến Tre, ngày 04 tháng 03 năm 2013.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





NGUYỄN THỊ KIM THI

LÊ THỊ NGUYỆT PHƯỢNG

NGÔ HỮU TÀI

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

8

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		201.241.432.409	210.533.653.889
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(131.774.575.928)	(129.778.875.537)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(5.639.603.584)	(4.303.415.267)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.602.893.756)	(1.627.174.502)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.854.348.205)	(530.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.133.495.415	18.870.796.780
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.618.189.876)	(58.234.815.040)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.885.316.475	34.930.170.323
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.196.918.847)	(3.570.892.916)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		413.636.364	1.242.681.817
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.500.000.000)	(42.180.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.500.000.000	42.190.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		221.036.885	234.955.334
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.562.245.598)	(2.083.255.765)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		101.828.140.952	8.000.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(95.626.725.141)	(31.440.442.858)
35	5. Tiền trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.098.012.000)	(4.858.807.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.896.596.189)	(28.299.250.058)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(1.573.525.312)	4.547.664.500
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		11.017.150.808	6.469.486.308
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	6.1	9.443.625.496	11.017.150.808

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM THỊ

Kế toán trưởng

LÊ THỊ NGUYỆT PHƯỢNG

Bến Tre, ngày 04 tháng 03 năm 2013.

Giám đốc



NGO HỮU TÀI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 24/05/2004 của UBND tỉnh Bến Tre, đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 5503000020 ngày 01/09/2004, thay đổi lần 8 ngày 20/10/2009, thay đổi lần 9 ngày 13/04/2010 và thay đổi lần 10 ngày 31/08/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính

Sản xuất – Thương mại – Xây dựng – Kinh doanh Bất động sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh Bất động sản.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2 Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

4. CAM KẾT KẾ TOÁN

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

5.1 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành các khoản tiền được biết trước mà không cần thông báo.

5.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, công nợ) được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng.

5.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu.

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.
- Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5.4 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: hàng tồn kho được đánh giá trên nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm: theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Vào thời điểm khóa sổ, Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập dự phòng (nếu có) trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

5.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết, góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được đánh giá theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư được công bố theo giá gốc. Khoản dự phòng giảm giá sẽ được lập trên cơ sở xem xét sự giảm giá so với giá thị trường của các khoản đầu tư.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng mà có thời gian đáo hạn dưới một năm.

5.6 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc đánh giá:
 - Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
 - Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Phương pháp khấu hao áp dụng:
 - Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

11

- Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 20 năm
- Máy móc thiết bị	04 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 – 15 năm
- Dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
- Tài sản cố định khác	06 năm

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là những chi phí liên quan đến xây dựng công trình, mua sắm máy móc và trang thiết bị phát sinh trong quá trình xây dựng và thiết lập công trình. Chi phí này sẽ không được trích khấu hao cho đến khi công trình hoàn thành, kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình và đưa vào sử dụng.

5.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

5.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, nhà xưởng, được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

5.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;

5.11 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành ;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

12

- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

5.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

5.13 Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm; tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

13

- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

5.14. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

5.15 Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

5.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

5.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

15

5.18 Nghĩa vụ tài chính

- Thuế giá trị gia tăng:
 - Theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 25%.
 - Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 55121000025 ngày 02 tháng 06 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thực hiện dự án đầu tư khai thác mỏ cát san lấp trên Sông Hàm Luông (Mỏ cát Tiên Thủy – An Hiệp), theo đó, Công ty được ưu đãi Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau :
 - + Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại trong thời gian 1 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 4 năm tiếp theo;
 - + Miễn thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo thành tài sản cố định của dự án.
 - Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 55121000026 ngày 02 tháng 06 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thực hiện dự án đầu tư khai thác mỏ cát san lấp trên Sông Hàm Luông (Mỏ cát An Hiệp – Sơn Hòa), theo đó, Công ty được ưu đãi Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau :
 - + Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại trong thời gian 1 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 4 năm tiếp theo.
 - Các dự án đầu tư khai thác mỏ cát san lấp thành lập sau ngày 01/01/2009 không được hưởng ưu đãi theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012 do thỏa điều kiện có số lao động của hoạt động thương mại dưới 100 người theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 08 năm 2012 hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

CHỖ
CHỮ
HỌ
TÊN
VÀ
CHỮ
KÝ

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
6.1.1	Tiền mặt	264.351.319	1.027.598.799
6.1.2	Tiền gửi ngân hàng	9.179.274.177	9.989.552.009
Cộng		9.443.625.496	11.017.150.808

6.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Chi nhánh Bến Tre	8.724.006.306	141.176.272
- Ngân hàng đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	455.267.871	9.848.375.737
Cộng	9.179.274.177	9.989.552.009

6.2 Phải thu của khách hàng

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Ban Quản lý Dự án đầu tư Thị xã Bến Tre	7.929.878.667	1.901.712.881
- Ban Quản lý Dự án Huyện Châu Thành	3.005.861.039	2.285.677.016
- Chùa Tân Bửu	2.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Bạch Đằng	1.763.407.307	1.852.869.489
- Ban Quản lý Dự án Giáo dục	1.635.118.200	222.066.200
- Khách hàng khác	16.780.869.918	23.454.880.959
Cộng	33.615.135.131	29.717.206.545

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6.3 Trả trước cho người bán

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Thép Bình Nguyên	1.724.414.900	-
- Công ty TNHH Quỳnh Anh	1.346.539.000	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	739.965.115	-
- Công ty Xi măng Nghi Sơn	496.456.930	-
- Công ty TNHH Khoáng sản Việt Khoáng	475.000.000	475.000.000
- Công ty TNHH Mỹ Thuật Tâm Sen	459.907.500	-
- Khách hàng khác	452.759.314	2.845.020.840
Cộng	5.695.042.759	3.320.020.840

6.4 Phải thu ngắn hạn khác

Chủ yếu là các khoản thu chỉ hộ và tạm ứng cho các đội thi công để thực hiện các công trình xây dựng.

Chi tiết:	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu về chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Mỹ Thạnh An	597.402.500	-
- Lê Hoàng Dũng (Đội thi công)	492.567.321	2.567.325.029
- Lê Hoàng Thanh (Đội thi công)	443.774.942	865.941.235
- Xi măng Hà Tiên (khoản hỗ trợ do đạt doanh số)	474.750.000	202.572.800
- Khác	1.079.886.230	7.798.413.170
Cộng	3.088.380.993	11.434.252.234

6.5 Hàng tồn kho

Mã số	Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm
6.5.1	Hàng mua đang đi đường	-	4.143.513.000
6.5.2	Nguyên liệu, vật liệu	1.882.194.440	1.368.420.670
6.5.3	Công cụ dụng cụ	14.006.756	22.060.096
6.5.4	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.325.409.057	65.746.998.616
6.5.5	Thành phẩm	1.068.911.847	328.222.218
6.5.6	Hàng hóa	10.057.956.778	6.261.495.340
6.5.7	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		78.348.478.878	77.870.709.940

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

18

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.5.2 Nguyên liệu vật liệu

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyên vật liệu	1.786.623.330	1.220.960.849
- Nhiên liệu	95.571.110	147.459.821
Cộng	1.882.194.440	1.368.420.670

6.5.4 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí xây dựng các công trình	30.246.364.860	12.732.321.408
- Dự án khu tái định cư Mỹ Thạnh An (*)	21.543.978.452	40.979.263.918
- Dự án khu dân cư Phú Tân	11.943.198.241	11.883.198.241
- Chi phí san lấp	1.591.867.504	152.215.049
Cộng	65.325.409.057	65.746.998.616

(*) Dự án này đang được thế chấp làm tài sản đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh 6.16).

6.5.5 Hàng hóa

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Xi măng các loại	6.294.337.495	3.591.594.229
- Sắt, thép các loại	2.403.648.758	971.272.738
- Hàng hóa khác	1.359.970.525	1.698.628.373
Cộng	10.057.956.778	6.261.495.340

6.6 Tài sản ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Trương Thiện Thanh	125.461.297	133.030.297
- Hồ Hữu Nhân	46.931.000	1.500.000
- Khác	58.744.163	105.883.700
Cộng	231.136.460	240.413.997

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

19

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.7 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Đầu năm	2.376.158.440	4.220.498.757	11.229.814.247	238.895.704	277.436.010	18.342.803.158
2. Tăng trong năm	-	245.500.000	1.843.967.352	21.363.636	37.627.144	2.148.458.132
- Mua sắm mới	-	245.500.000	-	21.363.636	-	266.863.636
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.497.909.545	-	37.627.144	1.535.536.689
- Tăng khác	-	-	346.057.807	-	-	346.057.807
3. Giảm trong năm	-	375.238.095	428.085.430	-	-	803.323.525
- Thanh lý	-	375.238.095	428.085.430	-	-	803.323.525
4. Cuối năm	2.376.158.440	4.090.760.662	12.645.696.169	260.259.340	315.063.154	19.687.937.765
II. Giá trị hao mòn						
1. Đầu năm	1.925.836.897	2.555.043.877	4.067.314.692	192.099.619	267.902.774	9.008.197.859
2. Tăng trong năm	170.692.148	448.970.919	1.324.132.611	26.616.205	12.668.847	1.983.080.730
- Khấu hao	170.692.148	448.970.919	1.324.132.611	26.616.205	12.668.847	1.983.080.730
3. Giảm trong năm	-	186.257.182	253.291.870	-	-	439.549.052
- Thanh lý	-	186.257.182	253.291.870	-	-	439.549.052
4. Cuối năm	2.096.529.045	2.817.757.614	5.138.155.433	218.715.824	280.571.621	10.551.729.537
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	450.321.543	1.665.454.880	7.162.499.555	46.796.085	9.533.236	9.334.605.299
2. Tại ngày cuối năm	279.629.395	1.273.003.048	7.507.540.736	41.543.516	34.491.533	9.136.208.228

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 2.053.789.494 đồng.

- Tài sản thế chấp tại ngân hàng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre là: 9.136.208.228

6.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí xây dựng văn phòng Công ty	72.471.312	-
- Chi phí xây dựng kho, bãi tại Mỹ Thạnh An	-	6.810.697.209
- Khác	-	1.454.545.454
Cộng	72.471.312	8.265.242.663

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

20

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.9 Bất động sản đầu tư

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
- Đầu tư đất Dự án tại xã Mỹ Thạnh An	8.899.887.402	-
- Đất tại xã Phú Nhuận (Phân xưởng sản xuất)	4.948.115.562	3.562.725.000
Cộng	13.848.002.964	3.562.725.000

6.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí thăm dò khai thác cát và chi phí thuê mặt bằng chờ phân bổ.

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	488.486.868	474.381.136
- Tăng trong năm	1.306.778.270	365.938.731
- Phân bổ trong năm	(1.116.471.318)	(351.832.999)
Số cuối năm	678.793.820	488.486.868

6.11 Vay và nợ ngắn hạn

Mã số	Chi tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
6.11.1	Vay ngắn hạn	46.834.019.830	11.632.604.019
6.11.2	Nợ dài hạn đến hạn trả	-	5.904.000.000
	Cộng	46.834.019.830	17.536.604.019

6.11.1 Vay ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (*)	43.706.860.321	11.632.604.019
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Chi nhánh Bến Tre	3.127.159.509	-
Cộng	46.834.019.830	11.632.604.019

(*) Là khoản vay bổ sung vốn lưu động tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02 ngày 22 tháng 08 năm 2012. Chi tiết như sau:

- Thời hạn vay: 6 tháng.
- Hạn mức tín dụng: 50 tỷ.
- Lãi suất: 14,5%/năm (lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo định kỳ 04 lần/năm vào các ngày 17/02; 17/05; 17/08; 17/11 trên cơ sở số dư nợ vay và lãi suất cho vay hiện hành do ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh).
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động.
- Hình thức đảm bảo: Thế chấp, cầm cố tài sản, không bảo đảm một phần.
- Gồm: + Tài sản cố định: 9.753.000.000 đồng.
+ Vật tư tồn kho bình quân: 36.000.000.000 đồng.
+ Giá trị quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận: 8.145.000.000 đồng.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

21

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.12 Phải trả người bán

Chi tiết:	Cuối năm	Đầu năm
- DNTN Kiến Hòa	1.778.024.640	-
- Công ty Phát triển Hạ tầng các KCN Bến Tre	820.412.251	-
- Công Ty Xăng Dầu Bến Tre	583.277.933	339.446.980
- Khác	2.796.939.967	7.865.321.259
Cộng	5.978.654.791	8.204.768.239

6.13 Người mua trả tiền trước

Chi tiết:	Cuối năm	Đầu năm
- Kho bạc Nhà nước Bến Tre	3.815.000.000	-
- Sở lao động Thương binh và Xã hội	1.009.414.241	7.688.795.821
- Khác	1.207.058.980	3.288.129.298
Cộng	6.031.473.221	10.976.925.119

6.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chi tiết:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	3.615.876.719	5.063.944.447
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.747.148.640	3.926.866.158
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.035.708	-
- Thuế tài nguyên	56.594.376	656.440.693
- Phí bảo vệ môi trường	134.240.000	142.772.000
Cộng	7.558.895.443	9.790.023.298

6.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết:	Cuối năm	Đầu năm
- Lê Văn Trung – phòng Xây dựng	4.337.034.275	3.256.678.988
- Nguyễn Hoài Yên - Đội XD Số 2	3.196.495.377	-
- Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	241.498.000	163.490.600
- Các khoản phải trả khác	97.421.572	1.987.697.973
Cộng	7.872.449.224	5.407.867.561

6.16 Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số H0002/13 ngày 02 tháng 06 năm 2010 để thanh toán chi phí đền bù giải tỏa và xây dựng hạ tầng dự án tái định cư Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, với lãi suất năm đầu tiên là 15%/năm, thời hạn vay là 8 năm, thời gian ân hạn 20 tháng.

Tài sản đảm bảo: toàn bộ 68.085m² đất và cơ sở hạ tầng được xây dựng của dự án khu tái định cư Mỹ Thạnh An (Xem thuyết minh 6.5.4).

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

22

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.17 Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	I	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	5.899.405.433	1.730.055.568	6.439.828.109	58.627.111.110
- Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng từ lãi năm trước	-	-	-	463.706.615	12.037.588.756	12.501.295.371
- Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(6.405.207.674)	(6.405.207.674)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	40.490.060.000	4.067.762.000	5.899.405.433	2.193.762.183	12.072.209.191	64.723.198.807
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng từ lãi trong năm	-	-	1.188.926.654	594.463.327	9.637.032.744	11.420.422.725
- Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(11.866.204.635)	(11.866.204.635)
Số dư cuối năm	40.490.060.000	4.067.762.000	7.088.332.087	2.788.225.510	9.843.037.300	64.277.416.897

▪ **Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Chi tiết gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
- Cổ đông nhà nước (49,76%)	20.146.260.000	20.146.260.000
- Cổ đông khác (50,24%)	20.343.800.000	20.343.800.000
Cộng	40.490.060.000	40.490.060.000

▪ **Cổ phiếu**

Chi tiết gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.049.006	4.049.006
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.049.006	4.049.006
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.049.006</i>	<i>4.049.006</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.049.006	4.049.006
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng /cổ phiếu)	10.000	10.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

23

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VND)

7.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hàng hóa	63.566.639.278	95.467.074.417
- Doanh thu thành phẩm	14.855.486.163	9.367.901.142
- Doanh thu san lấp	16.338.405.721	25.906.052.467
- Doanh thu vận tải	1.541.828.595	2.151.002.257
- Doanh thu kinh doanh Bất động sản	39.491.137.508	34.364.785.004
- Doanh thu xây dựng các công trình	94.915.575.005	60.337.365.166
Cộng	230.709.072.270	227.594.180.453

7.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa	68.066.648.386	95.456.655.081
- Giá vốn thành phẩm	14.000.228.109	7.897.385.067
- Giá vốn san lấp	10.709.506.814	22.087.320.362
- Giá vốn vận tải	3.094.998.873	2.573.648.577
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản	36.064.799.218	26.902.173.600
- Giá vốn xây dựng các công trình	86.647.605.939	55.859.993.416
Cộng	218.583.787.339	210.777.176.103

7.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	157.364.444	233.155.334
- Thu hỗ trợ lãi suất	95.970.175	457.358.606
- Doanh thu khác	74.039.741	1.800.000
Cộng	327.374.360	692.313.940

7.4 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	795.925.487	1.075.005.777
- Chi phí vận chuyển	479.950.516	426.513.872
- Chi phí bốc xếp	564.669.772	453.833.950
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.116.788	210.948.476
- Chi phí bằng tiền khác	524.400.332	844.719.646
Cộng	2.512.062.895	3.011.021.721

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

24

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

7.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1.717.323.870	2.383.059.338
- Chi phí văn phòng phẩm	150.762.598	171.618.056
- Chi phí tiếp khách quảng cáo	384.131.698	249.165.675
- Khấu hao tài sản cố định	180.158.993	265.368.022
- Hoàn nhập dự phòng	-	(350.722.295)
- Thuế, phí và lệ phí	415.921.327	401.353.076
- Chi phí bằng tiền khác	775.628.429	758.673.153
Cộng	3.623.926.915	3.878.515.025

7.6 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ hàng khuyến mãi, chiết khấu	8.621.801.205	5.059.078.364
- Thu từ thanh lý TSCĐ	413.636.364	1.242.681.817
- Khác	549.427.486	32.990.422
Cộng	9.584.865.055	6.334.750.603

7.7 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chi tiêu	Hoạt động kinh doanh	Kinh doanh Bất động sản	Hoạt động tài chính	Hoạt động khai thác cát	Cộng
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.103.844.191	2.261.843.096	327.374.360	241.805.160	11.934.866.807
- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	11.400.000	-	-	-	11.400.000
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.115.244.191	2.261.843.096	327.374.360	241.805.160	11.946.266.807
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 25%	2.278.811.049	565.460.774	81.843.590	60.451.290	2.986.566.703
- Thuế được miễn, giảm 50% (*)	-	-	-	(5.089.326)	(5.089.326)
- Thuế được giảm 30% theo thông tư 154/2011/TT-BTC/(**)	(683.643.314)	-	-	-	(683.643.314)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.595.167.735	565.460.774	81.843.590	55.361.964	2.297.834.063

(*) Hoạt động khai thác cát được hưởng ưu đãi giảm 50% của mô Tiên Thủy và mô An Hiệp.

(**) Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012 do thỏa điều kiện cơ sở lao động của hoạt động thương mại dưới 100 người theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 08 năm 2012 hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

25

7.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.637.032.744	12.037.588.756
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.637.032.744	12.037.588.756
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.049.006	4.049.006
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.380	2.973

7.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.614.091.664	85.628.420.573
- Chi phí nhân công	33.360.704.900	20.711.489.741
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.983.080.730	1.709.829.253
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.522.082.137	8.346.504.973
- Chi phí khác	14.674.132.285	11.743.734.289
Cộng	152.154.091.716	128.139.978.829

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH Y&D	45.400.000	45.400.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thành Thịnh	33.945.000	33.945.000
- Trần Kiêm Khánh	14.220.300	14.220.300
- Khác	21.808.300	21.808.300
Cộng	115.373.600	115.373.600

8.2 Lương của các thành viên chủ chốt và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lương của Ban Giám đốc	272.527.000	513.773.100
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	241.498.000	288.237.600
Cộng	514.025.000	802.010.700

8.3 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.443.625.496	11.017.150.808	9.443.625.496	11.017.150.808
Phải thu khách hàng	33.136.550.631	29.717.206.545	33.136.550.631	29.717.206.545
Trả trước cho người bán	5.695.042.759	3.320.020.840	5.695.042.759	3.320.020.840
Phải thu ngắn hạn khác	3.088.380.993	11.434.252.234	3.088.380.993	11.434.252.234
Tài sản ngắn hạn khác	231.136.460	240.413.997	231.136.460	240.413.997
Cộng	51.594.736.339	55.729.044.424	51.594.736.339	55.729.044.424

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Vay ngắn hạn, dài hạn	58.834.019.830	52.632.604.019	58.834.019.830	52.632.604.019
Phải trả cho người bán	5.978.654.791	8.204.768.239	5.978.654.791	8.204.768.239
Người mua trả tiền trước	5.552.888.721	10.976.925.119	5.552.888.721	10.976.925.119
Các khoản phải trả khác	7.872.449.224	5.407.867.561	7.872.449.224	5.407.867.561
Cộng	78.238.012.566	77.222.164.938	78.238.012.566	77.222.164.938

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

8.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các yếu tố của rủi ro tài chính.

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

8.4.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 2	(882.510.297)
	- 2	882.510.297
Năm trước	+ 2	(789.489.060)
	- 2	789.489.060

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

8.4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8.4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay ngắn hạn, dài hạn	46.834.019.830	12.000.000.000	-	58.834.019.830
Phải trả cho người bán	5.978.654.791	-	-	5.978.654.791
Người mua trả tiền trước	5.552.888.721	-	-	5.552.888.721
Các khoản phải trả khác	7.872.449.224	-	-	7.872.449.224
Cộng	66.238.012.566	12.000.000.000	-	78.238.012.566

Số đầu năm

Vay ngắn hạn, dài hạn	17.536.604.019	35.096.000.000	-	52.632.604.019
Phải trả cho người bán	8.204.768.239	-	-	8.204.768.239
Người mua trả tiền trước	10.976.925.119	-	-	10.976.925.119
Các khoản phải trả khác	5.407.867.561	-	-	5.407.867.561
Cộng	42.126.164.938	35.096.000.000	-	77.222.164.938

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8.4.4 Tài sản đảm bảo

- Công ty đã thế chấp toàn bộ chỉ phí dự án khu tái định cư Mỹ Thạnh An cho các khoản vay trung, dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Chi nhánh Bến Tre;

Chi tiết tài sản thế chấp gồm:

+ Chỉ phí sản xuất kinh doanh dở dang – Dự án Mỹ Thạnh An	21.603.978.452
Tổng cộng	21.603.978.452

- Công ty đã thế chấp một phần tài sản của công ty cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Bến Tre.

+ Vật tư, hàng hóa tồn kho bình quân	36.000.000.000
+ Tài sản cố định	9.753.000.000
+ Giá trị quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận	8.145.000.000
Tổng cộng	53.898.000.000

- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

8.5 Báo cáo bộ phận

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh	Kinh doanh Bất động sản	Hoạt động tài chính	Hoạt động khai thác cát	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.283.871.576	39.491.137.508	327.374.360	10.934.063.186	231.036.446.630
Giá vốn hàng bán	171.951.221.907	36.064.799.218	-	10.567.766.214	218.583.787.339
Lãi gộp	8.332.649.669	3.426.338.290	327.374.360	366.296.972	12.452.659.291
Chi phí bán hàng	2.512.062.395	-	-	-	2.512.062.395
Chi phí quản lý	2.985.658.400	638.268.515	-	-	3.623.926.915
Chi phí lãi vay	2.952.175.265	526.226.679	-	124.491.812	3.602.893.756
Thu nhập khác	9.584.865.055	-	-	-	9.584.865.055
Chi phí khác	363.774.473	-	-	-	363.774.473
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.103.844.191	2.261.843.096	327.374.360	241.805.160	11.934.866.807

8.6 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán năm đòi hỏi phải điều chỉnh hay cần phải công bố trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, Ngày 04 tháng 03 năm 2013.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



LÊ THỊ NGUYỆT PHƯỢNG

Giám đốc



NGÔ HỮU TÀI

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

30

Bến Tre, ngày 01 tháng 04 năm 2013
CTCP VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ HỮU TÀI